



NAVICO
NAM VIET CORPORATION



XÂY LẠI NỀN TẢNG DẪN ĐẦU THỜI CUỘC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

DANH MỤC VIẾT TẮT

BKTNB	Ban Kiểm toán nội bộ
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
CBCNV	Cán bộ Công nhân viên
CP	Cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng Quản trị
ISO	Tiêu chuẩn ISO
LNST	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
NAVICO	Được hiểu là Tập đoàn Nam Việt
QTRR	Quản trị rủi ro
SXKD	Sản xuất kinh doanh
KTNB	Kế toán nội bộ



MỤC LỤC

Thông điệp Tổng giám đốc 08

Thông điệp TGD	08
Tầm nhìn- Sứ mệnh;	10
Chiến lược phát triển 5 năm	

12 Chương 1 Tổng quan về NAVICO

13	Thông tin khái quát
14	Quá trình hình thành và phát triển
16	Ngành nghề kinh doanh
18	Địa bàn kinh doanh
20	Mô hình kinh doanh

Chương 2 26 Hoạt động trong năm 2024

Môi trường kinh doanh	28
Tình hình hoạt động kinh doanh	30
Nguồn lực lao động	36

38 Chương 3 Quản trị công ty

40	Bộ máy quản trị
41	Hội đồng quản trị
42	Ban lãnh đạo công ty
45	Ban kiểm toán nội bộ
47	Đánh giá của Ban Tổng Giám Đốc
47	Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị
49	Kế hoạch phát triển trong tương lai

Chương 4 56 Chiến lược phát triển

Triển vọng kinh tế 2025 - 2026	58
Chiến lược phát triển của NAVICO	62

64 Chương 5 Báo cáo phát triển bền vững

66	Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững
70	Báo cáo các hoạt động tiêu biểu 2024
74	Báo cáo chi tiết
86	Chiến lược phát triển bền vững

Chương 6 90 Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo của HĐQT	92
Báo cáo kiểm toán độc lập	96
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	97
Phụ lục	104



• Vốn đầu tư / Vốn chủ sở hữu **2.667** tỷ đồng



• Doanh thu thuần **4.911** tỷ đồng



• **100%** tự chủ thức ăn cho nuôi trồng và cá nguyên liệu cho nhà máy chế biến



• **10** dây chuyền sản xuất thức ăn với công suất **1.000 tấn/ngày**

• Tăng trưởng **110,64%** so với năm 2023

• Xuất khẩu hơn **160 quốc gia** trên thế giới

• **1.100ha** diện tích vùng nuôi - trong đó **600ha** vùng nuôi công nghệ cao tại Bình Phú

• **4** nhà máy chế biến

• **Top 25** giải thưởng thương hiệu công ty F&B dẫn đầu 2023 do Forbes Việt Nam bình chọn

DẤU ẤN NAVICO



DOÃN TỚI

Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

THÔNGIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC

“Chúng tôi đã mạnh dạn bước ra khỏi vùng an toàn để thay đổi, để không bị cuốn vào dòng xoáy cạnh tranh, đào thải khắc nghiệt của thời cuộc. Thay đổi để chuyển mình và trở lại mạnh mẽ hơn bao giờ hết!”

Kính thưa Quý vị,

Năm 2024 vừa qua là một năm cực kì đầy biến động đối với kinh tế toàn cầu. Tăng trưởng kinh tế Thế giới được dự báo đạt khoảng 3,2%, với nhiều nền kinh tế lớn tiếp tục chịu tác động từ chính sách tài khóa thắt chặt, lạm phát kéo dài và căng thẳng địa chính trị. Xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng cùng với sự đứt gãy chuỗi cung ứng vẫn là những rào cản đối với sự phục hồi kinh tế. Tuy nhiên tại Việt Nam, mặc dù chịu ảnh hưởng từ bối cảnh quốc tế, nền kinh tế của chúng ta vẫn duy trì mức tăng trưởng ổn định khoảng 5,5 - 6% nhờ vào chính sách điều hành linh hoạt, kiểm soát tốt lạm phát và thúc đẩy xuất khẩu. Đặc biệt, riêng về ngành cá tra Việt Nam đã có sự phục hồi đáng kể với kim ngạch xuất khẩu chạm mốc 2 tỷ USD, ghi nhận mức tăng trưởng 9% so với năm trước. Sự tăng trưởng này đến từ việc mở rộng thị trường, nâng cao tiêu chuẩn chất lượng và tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu thụ cá tra tại các thị trường lớn như Mỹ, EU và Trung Quốc cũng ghi nhận tín hiệu khả quan, giúp đẩy mạnh sản lượng xuất khẩu. Điều này không chỉ góp phần cải thiện lợi nhuận cho doanh nghiệp mà còn thúc đẩy các nhà sản xuất đầu tư mạnh hơn vào quy trình nuôi trồng và chế biến nhằm đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.

Trước những chuyển biến tích cực của thị trường, NAVICO đã tận dụng cơ hội để khẳng định vị thế hàng đầu. Chúng tôi không ngừng đẩy mạnh chiến lược phát triển bền vững, mở rộng vùng nuôi, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong chế biến và nâng cao tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm. Nhờ đó, NAVICO không chỉ giữ vững thị phần xuất khẩu mà còn nâng cao lợi thế cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Kính thưa Quý vị,

Trước bức tranh thị trường đan xen những khó khăn lẫn thuận lợi kể trên, bước vào năm 2025 với mục tiêu “Tái kiến thiết - Tạo khác biệt”, bộ máy với hơn 6.000 con người của NAVICO thực sự phải đối mặt với rất nhiều thách thức. Tuy nhiên, chúng tôi đã mạnh dạn bước ra khỏi vùng an toàn để thay đổi, để không bị cuốn vào dòng xoáy cạnh tranh, đào thải khắc nghiệt của thời cuộc. Thay đổi để chuyển mình và trở lại mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Từng bộ phận đã ngày đêm ngồi lại để khách quan đánh giá phân tầng sức mạnh nội tại, từ đó lên kế hoạch đẩy mạnh tái cấu trúc chuỗi giá trị, đầu tư vào công nghệ chế biến sâu, áp dụng hệ thống quản lý sản xuất theo mô hình Just-In-Time (JIT) nhằm tối ưu hóa chi phí, giải phóng sức lao động thủ công và nâng cao hiệu suất vận hành. Và không chỉ tập trung chất lượng cá tra nguyên liệu, NAVICO sẽ tiếp tục mở rộng danh mục sản phẩm giá trị gia tăng như cá tra chế biến sẵn, thực phẩm tiện lợi để đáp ứng xu hướng tiêu dùng hiện đại cũng như đa dạng hóa thị trường xuất khẩu. Việc vinh dự đạt được các tiêu chuẩn quốc tế như ASC, BAP và Global G.A.P cũng đã giúp tập đoàn giữ vững thị phần xuất khẩu, đặc biệt tại Mỹ, EU và Nhật Bản. Đây sẽ là tiền đề quan trọng để tập đoàn tiếp tục bứt phá trong giai đoạn sắp tới.

Thay mặt Ban Lãnh đạo NAVICO, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Cổ đông đã luôn đồng hành và tin tưởng vào sự phát triển của công ty. Sự hợp tác chặt chẽ từ Quý khách hàng và Quý đối tác trong suốt thời gian qua là động lực to lớn giúp chúng tôi không ngừng vươn xa. Đặc biệt, tôi xin tri ân toàn thể cán bộ công nhân viên NAVICO vì những nỗ lực và cống hiến không ngừng nghỉ, góp phần quan trọng vào sự thành công và phát triển của thương hiệu. Chúng ta sẽ cùng nhau, lần nữa làm nên lịch sử!

Xin kính chúc Quý vị sức khỏe dồi dào, hạnh phúc và thành công rực rỡ!

Trần trọng,
Tổng Giám Đốc
DOÃN TỚI

TÂM NHÌN, SỨ MỆNH CHIẾN LƯỢC 5 NĂM

Trở thành thương hiệu số một Thế giới trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu cá tra, góp phần vào sự phát triển bền vững của ngành thủy sản, nâng tầm vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Phát triển xã hội và bảo vệ môi trường; thực hiện chính sách đầu tư gắn với các yếu tố ESG (môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp); thực thi đầy đủ trách nhiệm với xã hội và cộng đồng; luôn là TOP Công ty đóng thuế của địa bàn Cần Thơ & An Giang, hoàn thiện nghĩa vụ đóng thuế cho Nhà nước; tích cực tổ chức và tham gia các hoạt động thiện nguyện; phụng sự vì sự thịnh vượng của đất nước.

Cam kết mang đến cho khách hàng những sản phẩm chất lượng uy tín, chất lượng vượt trội, tạo ra các giá trị đích thực vì sức khỏe và cuộc sống của người tiêu dùng.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 5 NĂM TỪ 2022 - 2026

NAVICO cam kết kinh doanh có trách nhiệm với mục tiêu phát triển kinh tế bền vững, quan tâm và tôn trọng các yếu tố về môi trường và xã hội, cụ thể như sau:

Đẩy mạnh toàn diện hoạt động SXKD, nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ, chăm sóc khách hàng.

Hoàn thiện nền tảng quản trị doanh nghiệp, tăng cường ứng dụng chuyển đổi số vào quản trị và vận hành Công ty theo hướng hiện đại, khoa học và hiệu quả.

Đa dạng hóa sản phẩm, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu sản phẩm giá trị gia tăng và tung ra thị trường các sản phẩm mới; triển khai giai đoạn 2 của nhà máy collagen, thúc đẩy hoạt động các kênh phân phối collagen thành phẩm.

Không ngừng nghiên cứu, cải tiến, áp dụng các giải pháp nhằm nhanh chóng nắm bắt kịp thời các xu thế mới như chuyển dịch năng lượng, xu hướng phát triển xanh, kinh tế tuần hoàn... đảm bảo sự phát triển bền vững, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường.

Nâng cao thị phần, mở rộng thị trường Châu Á Thái Bình Dương, chiếm lĩnh thị trường trong và ngoài nước, khẳng định uy tín thương hiệu, lợi thế cạnh tranh và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu.

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và phát triển nguồn nhân lực vững mạnh; tích cực, tiên phong tham gia các hoạt động phát triển cộng đồng, mang lại các giá trị thiết thực cho khách hàng, nhân viên, thương hiệu, đối tác cũng như cho cộng đồng.

Từ những năm 90, sông Hậu đã nuôi dưỡng niềm tự hào của bao thế hệ gắn bó với nghề nuôi trồng thủy sản. Chính vì thế, **NAVICO** ra đời vào năm 2000, tiếp nối hành trình vẻ vang ấy với sứ mệnh mang tinh hoa từ vùng sông nước quê hương – như cá tra, cá rô phi – vươn xa hơn đến với từng bữa ăn Việt Nam và trên toàn Thế giới.

Bên cạnh sự cam kết về chất lượng sản phẩm, chúng tôi luôn đảm bảo tôn chỉ hoạt động theo định hướng ESG để mang đến **SỰ BỀN VỮNG** cho hệ sinh thái và **NÂNG TẦM SỨC KHỎE** cho cộng đồng.

TỔNG QUAN VỀ NAVICO

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:

Công ty Cổ phần Nam Việt

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600168736 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh An Giang cấp ngày 02/10/2006, thay đổi lần thứ 16 ngày 19 tháng 11 năm 2024.

Vốn điều lệ:

2.666.675.000.000 đồng.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 2.666.675.000.000 đồng.

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, An Giang.

Số điện thoại: (0296) 3834 065 - (0296) 3834 060.

Số fax: (0296) 3834 054 - (0296) 3932 486.

Website: www.navicorp.com.vn

Mã cổ phiếu: ANV

CHƯƠNG 01

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



2011

Hình thành vùng nuôi cá nguyên liệu, tự chủ nguồn nguyên liệu đầu vào.



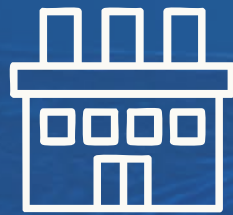
2012

Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản đi vào hoạt động với 4 dây chuyền sản xuất, tổng công suất đạt 400 tấn/ngày.



2024

Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.335.396.250.000 đồng lên 2.666.675.000.000 đồng.



1993

Công ty Cổ phần Nam Việt có tiền thân là Công ty TNHH Nam Việt được thành lập vào năm 1993 hoạt động trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp.



2007

Tháng 12/2007: Cổ phiếu Nam Việt chính thức được niêm yết tại sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là ANV.



2016

Công ty đã có 8 dây chuyền sản xuất thức ăn với tổng công suất lên đến 800 tấn/ngày đáp ứng 100% nhu cầu thức ăn cho 250 ha vùng nuôi cá nguyên liệu của công ty, phần còn lại bán ra thị trường.



2022

Xuất khẩu vào thị trường Mỹ, đánh dấu sự trở lại của NAVICO ở thị trường này. Hoàn thành xây dựng nhà máy Amicogen, đưa vào chạy thử nghiệm.



2000

Bước chuyển mình quan trọng của Công ty chuyển hướng sang lĩnh vực chế biến thủy sản, thành lập Nhà máy đông lạnh Nam Việt DL152 công suất 150 tấn/ngày.



2006

Chuyển hình thức sang Công ty Cổ phần với số vốn điều lệ là 660 tỷ đồng, nắm giữ vị trí xuất khẩu số 1 của ngành thủy sản Việt Nam.



2018

Đầu tư Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nuôi trồng thủy sản Nam Việt Bình Phú diện tích 600 ha.



2021

Khởi công nhà máy Amicogen, tổng mức đầu tư 46 tỷ 480 triệu đồng, sản xuất collagen và gelatin với công suất 780 tấn/năm.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



Nuôi trồng thủy sản

Sản xuất và chế biến
thức ăn thủy sản



Sản xuất
bao bì



NAVICO tự hào là một trong những thương hiệu dẫn đầu trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu cá tra, sở hữu chuỗi giá trị khép kín từ khâu nuôi trồng, sản xuất đến thành phẩm. Với vùng nuôi rộng 1.100 ha, trong đó 600 ha thuộc Khu nuôi công nghệ cao Bình Phú, công ty chủ động kiểm soát nguồn nguyên liệu đầu vào, đảm bảo chất lượng cao nhất cho sản phẩm. Bên cạnh đó, NAVICO không ngừng mở rộng và phát triển hệ sinh thái sản xuất với các lĩnh vực cốt lõi như chế biến thủy sản, sản xuất thức ăn, bao bì, đồng thời cam kết kiểm soát chặt chẽ 100% chất lượng đầu ra. Tất cả nhằm hướng đến mục tiêu cung cấp những sản phẩm dinh dưỡng, an toàn, góp phần nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống cho người tiêu dùng.

Sự phát triển bền vững của NAVICO được xây dựng trên nền tảng hợp tác chặt chẽ giữa công ty mẹ và các công ty con. Mô hình này giúp tối ưu hóa nguồn lực, gia tăng lợi thế cạnh tranh, nâng cao uy tín thương hiệu và mở rộng vị thế trên thị trường.



Chế biến và bảo quản
thủy sản & các sản
phẩm từ thủy sản

Sản xuất collagen
và gelatin



Sản xuất điện
năng lượng
mặt trời

DANH MỤC SẢN PHẨM

SẢN PHẨM CÁ



FILLET CÓ DA



FILLET TRẮNG



FILLET ĐỎ



CÁ NGUYÊN CON



XẺ BƯỚM



HGT



BAO TỬ CÁ



BONG BÓNG CÁ



CÁ CẮT CUBE



DA CÁ



VÂY CÁ



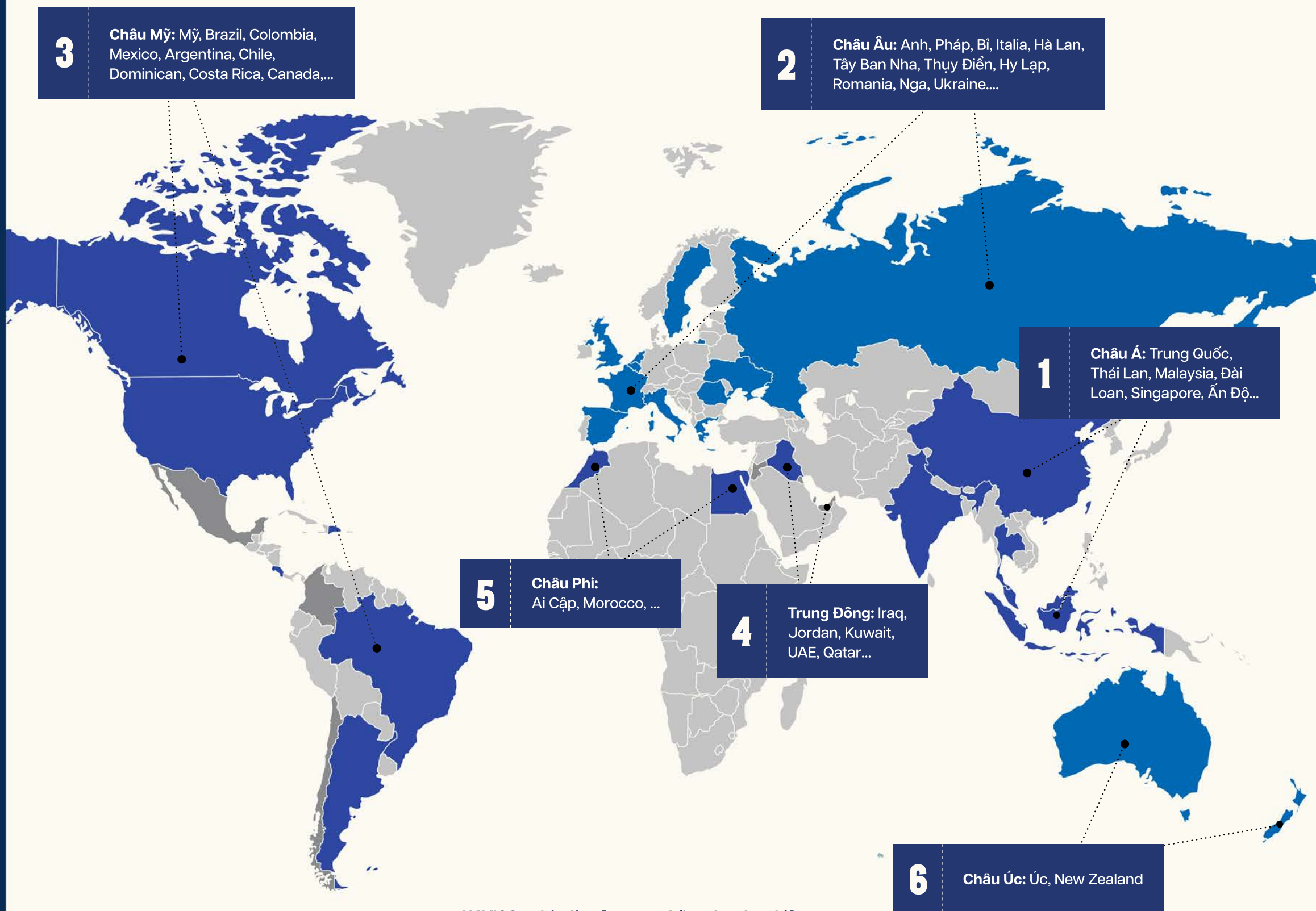
CÁ CẮT KHÚC

SẢN PHẨM CHĂM SÓC SỨC KHỎE



COLLAGEN & GELATIN

ĐỊA BÀN KINH DOANH



NAVICO tự hào là một trong những doanh nghiệp xuất khẩu cá tra hàng đầu Thế giới, đưa sản phẩm chất lượng cao chinh phục hơn 160 quốc gia, góp phần khẳng định vị thế vững chắc trên thị trường quốc tế.

CÁC BÊN LIÊN QUAN

• Cổ Đông/Nhà Đầu Tư:

NAVICO luôn nỗ lực đảm bảo quyền lợi và gia tăng giá trị cho các cổ đông của Công ty. Cơ cấu cổ đông được duy trì với tỷ lệ Nhà đầu tư trong và ngoài nước là 98,71% / 1,29% và Nhà đầu tư tổ chức và cá nhân 1,91% / 98,09% (tại ngày 31/12/2024).

• Chính phủ và các Hiệp hội ngành:

Công ty cam kết phát triển kinh tế địa phương, thực hiện trách nhiệm xã hội Doanh nghiệp, đóng góp vào Ngân sách Nhà nước trên tinh thần thượng tôn pháp luật.

NGUỒN LỰC

• Thiên nhiên:

Hoạt động của NAVICO dựa vào các nguồn lợi tự nhiên phong phú như tài nguyên sinh vật trong vùng nước tự nhiên, tài nguyên nước, đất...

• Hạ tầng:

Công ty đang sở hữu 1.100ha vùng nuôi trong đó có 600ha vùng nuôi công nghệ cao và 4 nhà máy chế biến với tổng công suất thiết kế 1.360 tấn cá nguyên liệu/ngày. Nhà máy sản xuất Collagen peptide và Gelatine AMINAVICO chính thức được đưa vào hoạt động với công suất chế biến 780 tấn/năm.

MÔ HÌNH KINH DOANH

• Người lao động:

Công ty thực hiện chính sách nhân sự đa dạng, bình đẳng và hòa nhập, tạo điều kiện thu nhập cao và cơ hội phát triển công bằng cho CBCNV. Tính đến ngày 31/12/2024, tổng số lao động của Công ty là 5.932 người.

• Cộng đồng xã hội:

NAVICO tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, thúc đẩy công bằng xã hội, nỗ lực hành động nhằm tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường. Hằng năm Công ty đều có những đóng góp tài chính vào các quỹ từ thiện như Quỹ mùa xuân, quỹ Công tác xã hội từ thiện, Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ học bổng...

• Sản xuất:

NAVICO sở hữu 4 nhà máy chế biến với công suất cao, công nghệ hiện đại, đạt đầy đủ các chứng nhận chất lượng ISO, Global GAP, HACCP, IFS, BRC, GMP, HALAL, BAP, ASC.

CHUỖI GIÁ TRỊ

ĐẦU VÀO

• Nghiên cứu phát triển:

Nghiên cứu thị trường và thị hiếu người tiêu dùng để đáp ứng đầy đủ nhu cầu khách hàng cũng như đa dạng hóa thị trường và sản phẩm.

• Vùng nuôi /Vùng nguyên liệu:

Hoạt động của NAVICO dựa vào các nguồn lợi tự nhiên phong phú như tài nguyên sinh vật trong vùng nước tự nhiên, tài nguyên nước, đất...

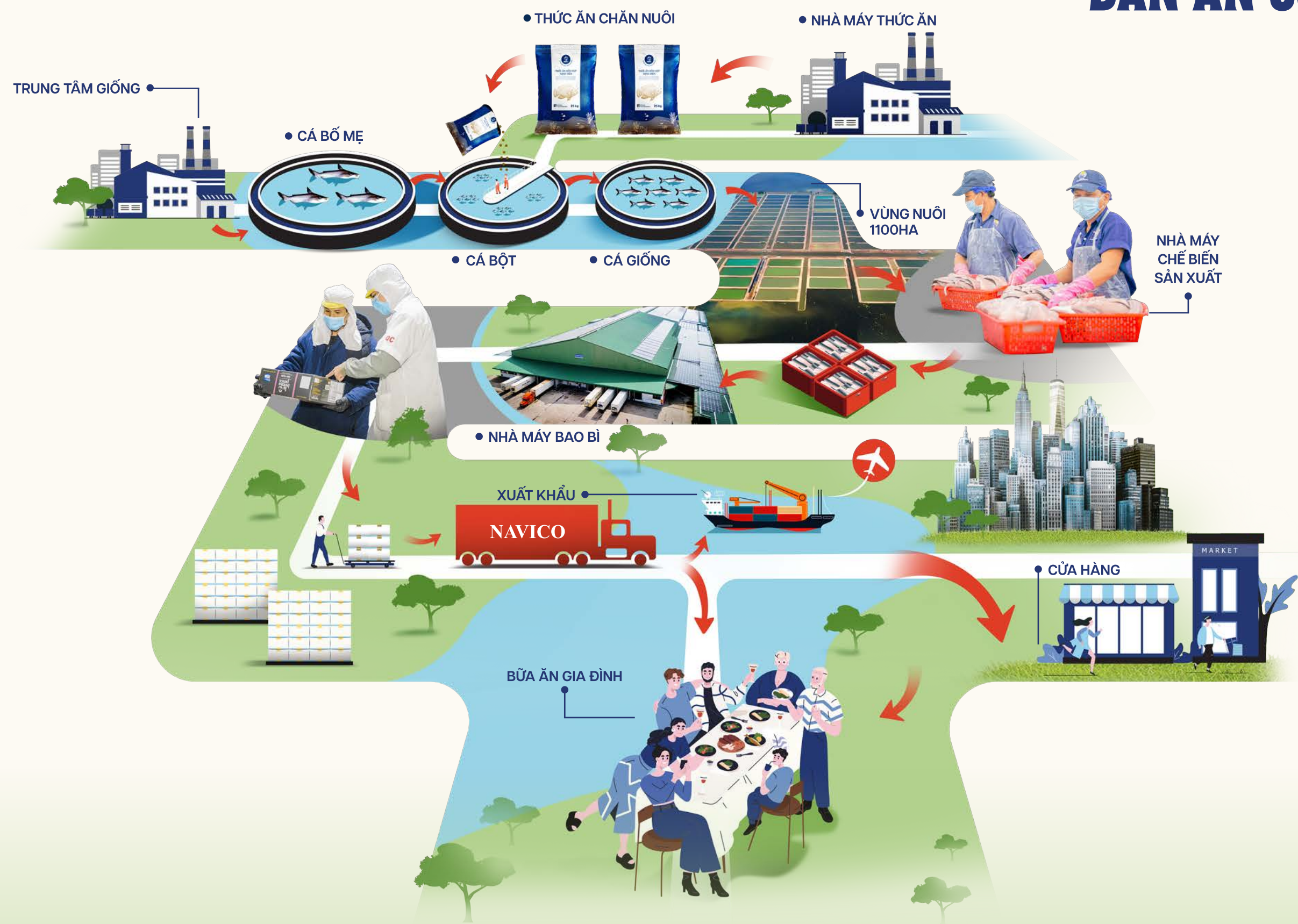
ĐẦU RA

• Mạng lưới phân phối toàn cầu

NAVICO có hệ thống và mạng lưới phân phối rộng khắp trên thế giới. Công ty tiếp tục thực hiện chiến lược đa dạng hóa thị trường, mở rộng thị phần xuất khẩu và quan tâm phát triển thị trường nội địa.

MÔ HÌNH PHỨC HỢP

TỪ NUÔI TRỒNG ĐẾN BÀN ĂN CỦA NAVICO



CÁC CÔNG TY CON

1. Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	
Địa chỉ	KCN Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại	02923 649 262
Vốn điều lệ	36.000.000.000 VND
Vốn NAVICORP góp	36.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	100%

Ngành nghề kinh doanh chính

Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; chế biến dầu cá, bột cá.

3. Công ty TNHH MTV Phân bón hữu cơ Nam Việt	
Địa chỉ	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.
Điện thoại	02963 932 486
Vốn điều lệ	5.000.000.000 VND
Vốn NAVICORP góp	5.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	100%

Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất phân bón hữu cơ.

5. Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar	
Địa chỉ	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.
Điện thoại	02963 932 486
Vốn điều lệ	5.000.000.000 VND
Vốn NAVICORP góp	5.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	100%

Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất điện năng lượng mặt trời.

2. Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Nam Việt Bình Phú	
Địa chỉ	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.
Điện thoại	02963 932 486
Vốn điều lệ	540.000.000.000 VND
Vốn NAVICORP góp	540.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	100%

Ngành nghề kinh doanh chính

Nuôi trồng thủy sản.

4. Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	
Địa chỉ	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.
Điện thoại	02963 932 486
Vốn điều lệ	180.000.000.000 VND
Vốn NAVICORP góp	180.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	100%

Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất điện năng lượng mặt trời.

6. Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	
Địa chỉ	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.
Điện thoại	02963 932 486
Vốn điều lệ	5.000.000.000 VND
Vốn NAVICORP góp	5.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	100%

Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất điện năng lượng mặt trời.

CÔNG TY LIÊN DOANH

1. Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	
Địa chỉ	Lô A4 KCN Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại	0296 649 769
Vốn điều lệ	138.480.000.000 VND
Vốn NAVICORP góp	69.240.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	50%

Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất collagen và gelatin

7. Công ty TNHH MTV Chế biến thức ăn Thủy sản Nam Việt	
Địa chỉ	Lô A4 KCN Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại	02923 649 262
Vốn điều lệ	200.000.000.000 VND
Vốn NAVICORP góp	196.286.775.677 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	100%

Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.



CÁC CHỨNG NHẬN



HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

2024



CHƯƠNG 02

MÔI TRƯỜNG

Năm 2024, kinh tế toàn cầu tiếp tục biến động do nhiều yếu tố, bao gồm xung đột chính trị phức tạp, chiến tranh ở Ukraine, Trung Đông, căng thẳng tại Biển Đỏ, bán đảo Triều Tiên và eo biển Đài Loan. Những diễn biến này đẩy giá xăng dầu và hàng hóa tăng cao, khiến cước vận tải biển biến động mạnh, đầu tư suy giảm và thị trường tài chính đối mặt với nhiều bất ổn. Tuy nhiên, Mỹ lại bắt đầu áp mức thuế cao mới đối với các nước xuất khẩu cá lớn như Trung Quốc, tạo ra cơ hội cho ngành thủy sản Việt Nam. Nhờ tận dụng lợi thế này, Việt Nam ghi nhận sự tăng trưởng mạnh trong sản lượng và kim ngạch xuất khẩu cá tra, đạt 2 tỷ USD vào năm 2024.

BẢNG TOP 5 DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU CÁ TRA NĂM 2024

STT	Doanh nghiệp	Tỷ trọng (%)
1.	Công ty CP Vĩnh Hoàn	2,74
2.	Công ty CP Nam Việt	1,14
3.	Công ty TNHH chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiến Giang	1,08
4.	Công ty CP đầu tư và phát triển đa quốc gia I.D.I	0,89
5.	Công ty CP thủy sản Trường Giang	0,86

(Nguồn: Tổng hợp từ Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam VASEP)



Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong ngành, NAVICO vừa chịu ảnh hưởng từ những biến động của kinh tế thế giới, vừa hưởng lợi từ xu hướng tích cực của ngành thủy sản Việt Nam.

Công ty không ngừng đổi mới, ứng dụng công nghệ kỹ thuật cao để tối ưu hóa sản xuất, nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng và mở rộng thị trường. Nhờ chiến lược đúng đắn, Nam Việt vinh dự đạt vị trí **TOP 2** doanh nghiệp xuất khẩu cá tra tại Việt Nam, với doanh thu 4.911 tỷ đồng (tăng 110,64% so với năm 2023) và lợi nhuận trước thuế 78,5 tỷ đồng (tăng 121,73% so với năm 2023).



THUẬN LỢI

Duy trì chuỗi giá trị khép kín

NAVICO tập trung đầu tư phát triển khoa học kỹ thuật, duy trì và nâng cấp hệ thống cho chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất thức ăn, nuôi trồng thủy sản và chế biến thủy sản, từ đó chủ động được không chỉ chất lượng nguồn nguyên liệu cá cho sản xuất tiêu thụ mà còn số lượng đảm bảo yêu cầu khắt khe của thị trường.

Công suất nhà máy đạt 1.200 tấn nguyên liệu/ngày

Sở hữu hệ thống nhà máy chế biến hiện đại với tổng công suất lên đến 1.000 tấn cá nguyên liệu/ngày, NAVICO có thể đáp ứng nhanh chóng nhu cầu sản xuất, đảm bảo tiến độ xuất khẩu ngay cả trong thời điểm thị trường tăng trưởng mạnh.

Đáp ứng 100% nhu cầu của toàn bộ vùng nuôi

Với công suất nhà máy chế biến lớn, NAVICO có thể tự chủ 100% nguồn thức ăn thủy sản cho toàn bộ hệ thống vùng nuôi của mình. Điều này không chỉ giúp Công ty kiểm soát chất lượng dinh dưỡng cho cá tra mà còn giúp ổn định chi phí sản xuất.

Điều kiện sinh thái thuận lợi

Đồng bằng sông Cửu Long, nơi có điều kiện sinh thái lý tưởng cho việc nuôi cá tra với nguồn nước dồi dào, khí hậu ổn định phù hợp với hệ thống vùng nuôi của NAVICO. Đặc biệt, tỉnh An Giang - nơi có các vùng nuôi trọng điểm - không bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn, giúp Công ty đảm bảo chất lượng cá tra trong dài hạn.

Thương hiệu hàng đầu uy tín lâu năm về sản phẩm cá tra

NAVICO là một trong những thương hiệu hàng đầu trong ngành cá tra Việt Nam, được đối tác và khách hàng trên toàn cầu tin tưởng. Công ty sở hữu thị trường xuất khẩu rộng khắp và ổn định tại các khu vực lớn như Mỹ, EU, Trung Quốc, Nam Mỹ, Trung Đông.

Đội ngũ cán bộ kinh nghiệm, đoàn kết, đầy năng lượng

NAVICO có đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm, đoàn kết, tràn đầy năng lượng, luôn khát khao đổi mới sáng tạo và trung thành tuyệt đối với Công ty.

KINH DOANH

KHÓ KHĂN

Xung đột chính trị ảnh hưởng chuỗi cung ứng

Tình hình căng thẳng tại Ukraine, Trung Đông, Biển Đỏ, bán đảo Triều Tiên và eo biển Đài Loan khiến chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn, ảnh hưởng đến xuất khẩu và nhập khẩu nguyên liệu, làm tăng rủi ro vận chuyển, kéo theo chi phí logistics cao hơn và thời gian giao hàng bị kéo dài.

Giá nhiên liệu và cước vận tải biến động mạnh

Giá xăng dầu, hàng hóa cơ bản và cước vận tải biển biến động mạnh và tăng cao khiến chi phí sản xuất, vận chuyển của NAVICO bị đội lên đáng kể.

Kinh tế thị trường toàn cầu phục hồi chậm

Sự suy giảm đầu tư, lãi suất và tỷ giá biến động khiến nhu cầu tiêu thụ giảm mạnh, đặc biệt tại Mỹ, EU và Trung Quốc. Kinh tế, thương mại phục hồi chậm, thiếu vững chắc, đầu tư toàn cầu sụt giảm, tỷ giá, lãi suất biến động khó lường.

Rào cản thương mại gia tăng

Một số thị trường tiếp tục dựng lên các hàng rào phi thuế quan để hạn chế và thắt chặt kiểm soát hàng hóa nhập khẩu.

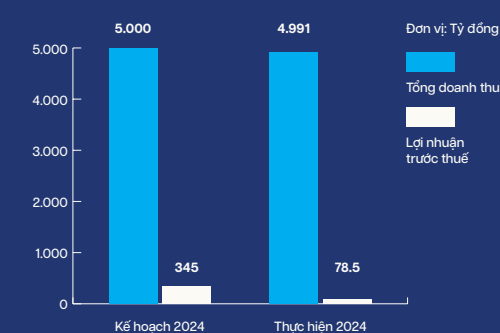
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU SO VỚI KẾ HOẠCH ĐÃ ĐỀ RA

Bảng tình hình thực hiện chỉ tiêu so với kế hoạch của NAVICO năm 2024

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2024	TH2024	TH2024/ KH2024
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5.000	4.911	98,2%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	345	78.5	22,8%

Biểu đồ cột doanh thu Nam Việt năm 2023 - 2024



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2024

Bảng kết quả hoạt động SXKD của NAVICO năm 2024

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2023 (tỷ đồng)	Năm 2024 (tỷ đồng)	Tỷ lệ % năm 2024 so với năm 2023
1.	Doanh thu thuần	4.439	4.911	110,64%
2.	Giá vốn hàng bán	3.992	4.351	109,00%
3.	Lợi nhuận gộp	447	560	125,24%
4.	Doanh thu hoạt động tài chính	32	33	101,61%
5.	Chi phí hoạt động tài chính	165	103	62,88%
6.	Chi phí bán hàng	188	280	148,78%
7.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	76	86	113,34%
8.	Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD	47	119	254,75%
9.	Lợi nhuận khác - Tổng	18	(41)	(230,68%)
10.	Lợi nhuận trước thuế	64	78.5	121,73%
11.	Lợi nhuận sau thuế	39	47.8	122,05%

KINH DOANH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Bảng số liệu tình hình tài chính NAVICO năm 2023 - 2024

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2024 (triệu đồng)	Năm 2023 (triệu đồng)	% tăng giảm trong năm 2023
1.	Tổng giá trị tài sản	4.862.271	5.112.670	(4,9%)
2.	Doanh thu thuần	4.911.266	4.439.123	10,6%
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	119.282	46.824	154,7%
4.	Lợi nhuận khác	(40.768)	17.673	(330,7%)
5.	Lợi nhuận trước thuế	78.514	64.497	21,7%
6.	Lợi nhuận sau thuế	47.832	39.192	22%

Bảng số liệu các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của NAVICO năm 2023 - 2024

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023
1.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,33	1,4
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,48	0,29
2.	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	42,5	44,3
-	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	73,8	79,5
3.	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	2,18	1,71
-	Vòng quay tổng tài sản	vòng	0,98	0,84
4.	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,97	0,88
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,71	1,38
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,98	0,77
-	Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	2,43	1,05

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ



· CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ VÀ CÁC DỰ ÁN

Hiện Công ty không có các dự án phát sinh trong năm 2024. Tính đến 31/12/2024, NAVICO còn khoản đầu tư dài hạn ở Công ty CP Cromit Cổ Định, Thanh Hóa.

Bảng hạng mục đầu tư ở Cromit Cổ Định Thanh Hóa của NAVICO năm 2024

Tên Công ty đầu tư	31/12/2023	31/12/2024
Công ty CP Cromit Cổ Định Thanh Hóa	20.304.000.000	20.304.000.000

Bảng doanh thu Công ty con, Công ty liên kết của NAVICO năm 2023 - 2024

Công ty TNHH MTV ẤN ĐỘ DƯƠNG

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu	Triệu đồng	1.003.084	1.122.470
LNTT	Triệu đồng	15.642	63.106
Tài sản	Triệu đồng	283.797	229.898
Vốn điều lệ	Triệu đồng	36.000	36.000

Công ty TNHH MTV PHÂN BÓN HỮU CƠ NAM VIỆT

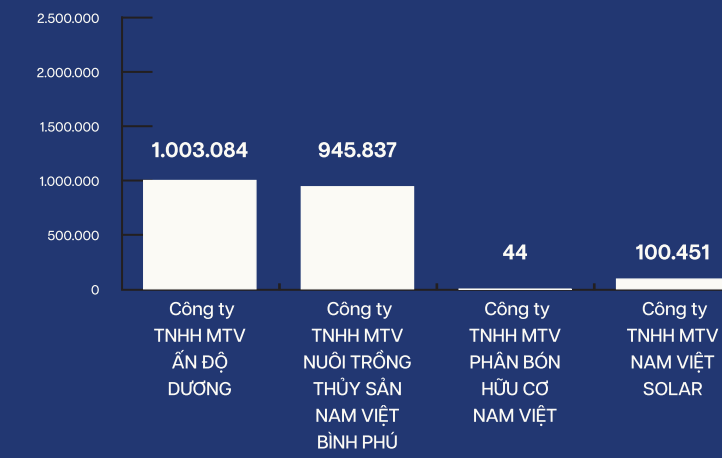
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu	Triệu đồng	44	673
LNTT	Triệu đồng	(387)	(142)
Tài sản	Triệu đồng	4.423	4.847
Vốn điều lệ	Triệu đồng	5.000	5.000

Công ty TNHH MTV NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NAM VIỆT BÌNH PHÚ

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu	Triệu đồng	945.837	1.062.340
LNTT	Triệu đồng	35.186	11.060
Tài sản	Triệu đồng	1.060.483	1.365.244
Vốn điều lệ	Triệu đồng	540.000	540.000

· CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Biểu đồ cột doanh thu các công ty con, công ty liên kết năm 2024



Công ty TNHH MTV NAM VIỆT SOLAR

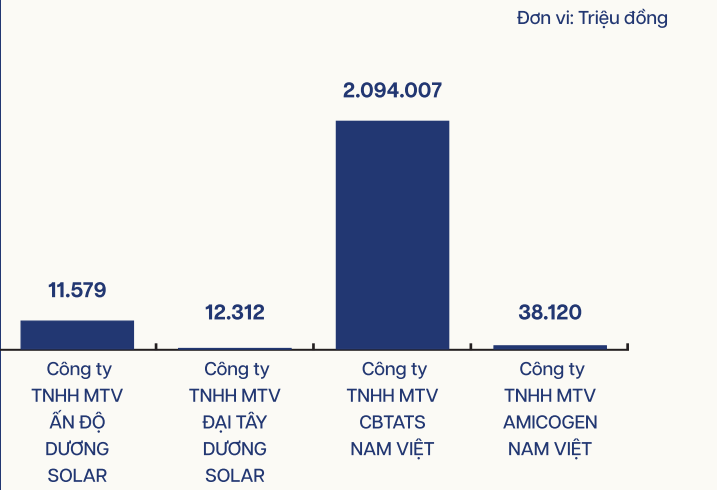
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu	Triệu đồng	100.451	96.286
LNTT	Triệu đồng	57.257	49.694
Tài sản	Triệu đồng	304.708	342.298
Vốn điều lệ	Triệu đồng	180.000	180.000

Công ty TNHH MTV ẤN ĐỘ DƯƠNG SOLAR

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu	Triệu đồng	11.579	11.324
LNTT	Triệu đồng	8.090	6.431
Tài sản	Triệu đồng	32.648	36.060
Vốn điều lệ	Triệu đồng	5.000	5.000

Công ty TNHH MTV ĐẠI TÂY DƯƠNG SOLAR

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu	Triệu đồng	12.312	12.023
LNTT	Triệu đồng	8.868	7.443
Tài sản	Triệu đồng	31.886	35.086
Vốn điều lệ	Triệu đồng	5.000	5.000



Công ty TNHH MTV CBTATS NAM VIỆT

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu	Triệu đồng	2.094.007	2.534.160
LNTT	Triệu đồng	37.950	57.159
Tài sản	Triệu đồng	672.060	816.264
Vốn điều lệ	Triệu đồng	200.000	200.000

Công ty TNHH MTV BẤT ĐỘNG SẢN NAM VIỆT

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu	Triệu đồng	-	1
LNTT	Triệu đồng	-	145
Tài sản	Triệu đồng	-	-
Vốn điều lệ	Triệu đồng	-	-

Đã giải thể quý 2/2023

Công ty TNHH AMICOGEN NAM VIỆT (Công ty liên doanh)

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu	Triệu đồng	38.120	12.097
LNTT	Triệu đồng	(8.171)	(8.047)
Tài sản	Triệu đồng	141.488	162.622
Vốn điều lệ	Triệu đồng	138.480	138.480

Công ty thành lập ngày 30/03/2020



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

• THÔNG TIN CỔ PHIẾU TẠI NGÀY 31/12/2024

Bảng thông tin cổ phiếu của NAVICO năm 2024

Nội dung	Thông tin cổ phiếu
Số lượng cổ phần	266.667.500 cổ phần
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng
Số cổ phiếu ưu đãi	Không có
Số cổ phiếu phổ thông	266.667.500 cổ phần
Số cổ phiếu đang lưu hành	266.667.500 cổ phần
Số cổ phần chuyển nhượng tự do	266.667.500 cổ phần
Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0 (không) cổ phần



• CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 08/11/2024

- Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

Bảng cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

STT	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần
1.	Trên 5% sở hữu	177.930.000
2.	Dưới 5% sở hữu	88.325.750

- Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

Bảng cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

STT	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
1.	Cổ đông trong nước	262.810.534	98,71%
	Cá nhân	260.479.616	97,83%
	Tổ chức	2.330.918	0,88%
2.	Cổ đông ngoài nước	3.445.216	1,29%
	Cá nhân	699.436	0,26%
	Tổ chức	2.745.780	1,03%
	Tổng cộng	266.255.750	100%
	(Chưa tính cổ phiếu quỹ 411.750)		

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2024, Công ty phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông theo tỷ lệ 1:1.

- Cổ phiếu quỹ

Tính đến 31/12/2024, số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty là 411.750 cổ phiếu (giá 19.800 đ/cp tương đương 8,152 tỷ đồng). Trong năm 2024, Công ty không mua cổ phiếu quỹ.

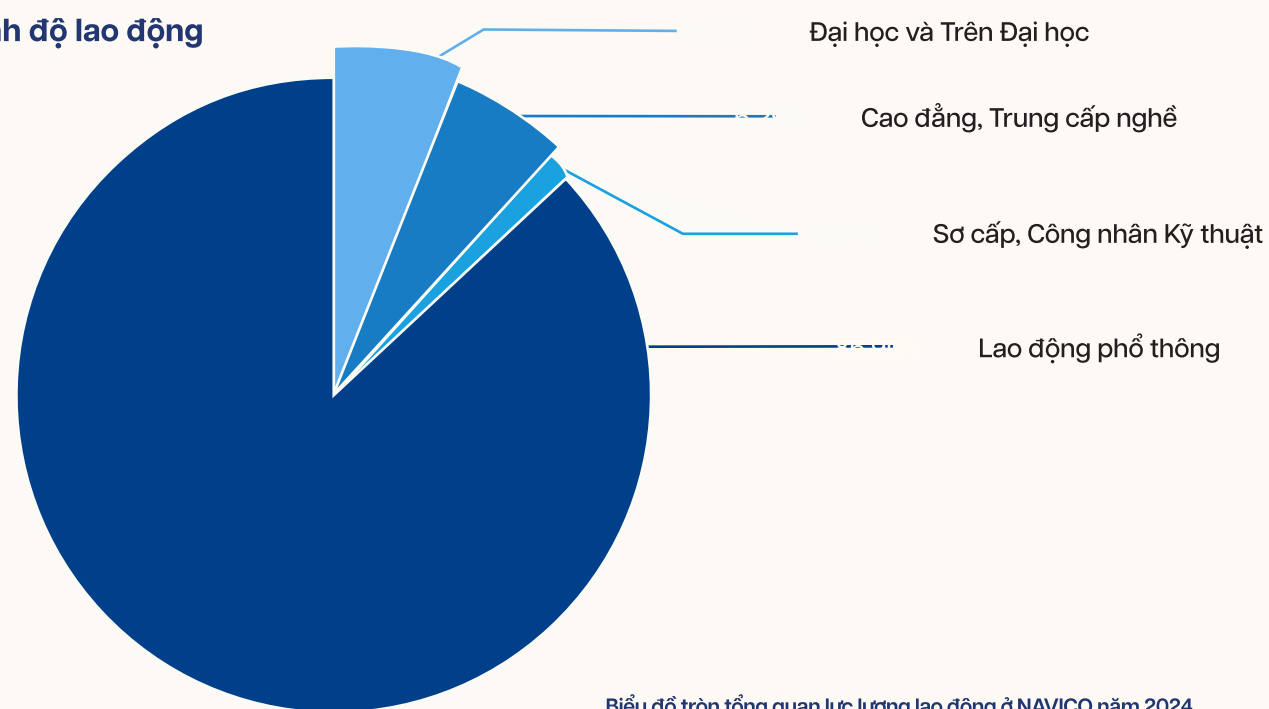


NGUỒN LỰC LAO ĐỘNG

NAVICO LUÔN COI NGUỒN NHÂN LỰC
LÀ TÀI SẢN QUÝ GIÁ NHẤT CỦA CÔNG TY,
LÀ CHÌA KHÓA VÀNG CHO SỰ THÀNH CÔNG
CỦA DOANH NGHIỆP.

Công ty chú trọng hoàn thiện mô hình quản trị, tập trung đa dạng hóa, tạo nên các cơ hội bình đẳng cho CBCNV không phân biệt giới tính, độ tuổi, chủng tộc hoặc văn hóa, đề cao sự tôn trọng cá nhân, thực hiện các chính sách chăm sóc toàn diện cho người lao động; đồng thời không ngừng phát huy nền tảng văn hóa doanh nghiệp, tạo dựng môi trường làm việc hòa nhập, hấp dẫn, thúc đẩy sự phát triển của cá nhân trong sự phát triển bền vững của Công ty.

Theo trình độ lao động



Biểu đồ tròn tổng quan lực lượng lao động ở NAVICO năm 2024

Theo đối tượng lao động

Lao động
toàn
thời gian



100%

Theo giới tính

Nam



53,86%

Nữ



46,14%

CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG



Chính sách lương, thưởng

Công ty áp dụng chính sách tiền lương và khen thưởng cho cán bộ công nhân viên theo đúng quy định pháp luật và quy chế lương thưởng của Công ty dựa trên các cơ sở về hiệu quả công việc của từng người, theo mức độ hoàn thành kế hoạch sản xuất và lợi nhuận của Công ty.



Chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ Tết

NAVICO thực hiện bố trí lao động nghỉ phép, nghỉ lễ Tết,... đúng, đủ ngày, hoặc bố trí nghỉ luân phiên, nghỉ bù đảm bảo theo quy định của Bộ Luật Lao động.



Chế độ thai sản

NAVICO thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ thai sản cho CBCNV là nữ giới, chế độ thai sản cho nam giới có vợ sinh con đảm bảo đúng theo quy định Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế.



Chế độ bảo hiểm và phúc lợi

Công ty tuân thủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động theo quy định hiện hành của Nhà nước. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên thực hiện các hoạt động chăm lo đời sống tinh thần, tạo điều kiện cho CBCNV tham gia các hoạt động thể dục thể thao, chương trình văn nghệ và các hoạt động tinh thần khác do Công đoàn, Các tổ chức đoàn thể ở địa phương tổ chức nhân các ngày lễ, các dịp kỷ niệm trong năm như: Quốc tế Phụ nữ, Quốc tế thiếu nhi, Ngày thành lập Công ty, Năm mới...

Kèm các chế độ phúc lợi khác:

Thưởng các dịp Lễ, lương tháng 13

Các khoản trợ cấp khác: Trợ cấp khó khăn, trợ cấp tang chế

Tổ chức du lịch để nâng cao tinh đoàn kết, gắn bó với Công ty

Thưởng cho con CBCNV có thành tích học tập tốt

CHƯƠNG 03

QUẢN TRỊ

CÔNG TY

NAVICO WEBSITE



BỘ MÁY QUẢN TRỊ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



• CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Trong năm 2024 không thành lập tiểu ban nào.

• HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Chỉ đạo, giám sát, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024.

Thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

• THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

- Ông ĐỖ LẬP NGHIỆP - Chủ tịch HĐQT
- Ông DOÃN TỚI - Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông TRẦN MINH CẢNH - Thành viên HĐQT
- Bà ĐỖ THỊ THANH THỦY - Thành viên HĐQT
- Bà NGUYỄN THỊ MINH Ý - Thành viên HĐQT Độc lập

• SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1.	Doãn Tới	P.Chủ tịch HĐQT	29	100%
2.	Đỗ Lập Nghiệp	Chủ tịch HĐQT	29	100%
3.	Trần Minh Cảnh	Thành viên HĐQT	29	100%
4.	Nguyễn Thị Minh Ý	Thành viên HĐQT Độc lập	29	100%
5.	Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	29	100%

BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY



Tổng giám đốc - Phó Chủ tịch HĐQT
Năm sinh: 1954.
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật.
Quá trình công tác:
Từ tháng 10/2006: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Việt
Từ năm 2001 - 09/2006: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nam Việt
Từ năm 1971 - 2001: Sỹ quan quân đội (cấp bậc Thượng tá) đến 2001 nghỉ hưu
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân:
143.610.000 cổ phần – 53,85% vốn điều lệ

Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1975.
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.
Quá trình công tác:
Từ tháng 01/2011: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Việt
Từ năm 2004 - 09/2010: Giám đốc sản xuất Công ty Cổ phần Nam Việt
Từ năm 2000 - 2004: Phó Giám đốc Nhà máy đông lạnh Thủy sản Nam Việt
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân:
938.000 cổ phần – 0,35% vốn điều lệ



Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1965.
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:
Từ năm 2008 - 2010: Phó Giám Đốc Tài chính, Công ty Cổ phần Nam Việt
Từ năm 2010 - 06/2017: Giám Đốc Tài Chính, Công ty Cổ phần Nam Việt
Từ ngày 01/7/2020: Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân:
500.000 cổ phần – 0,19% vốn điều lệ

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1977.
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Anh văn
Quá trình công tác:
Từ ngày 01/06/2000: Bắt đầu công tác tại Tập đoàn Nam Việt
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân:
140.000 cổ phần – 0,05% vốn điều lệ



Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1976.
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:
19 năm tại Công ty Cổ phần Nam Việt
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 900.000 cổ phần – 0,34% vốn điều lệ



Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1969.
Trình độ chuyên môn: Đại học XD CN&DD
Quá trình công tác:
Từ tháng 05/2020 đến nay tại Công ty Cổ phần Nam Việt
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 677.000 cổ phần – 0,25% vốn điều lệ



Kế toán trưởng
Năm sinh: 1989.
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:
Bắt đầu từ ngày 13/07/2011 công tác tại Tập đoàn Nam Việt
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 15.000 cổ phần – 0,005 % vốn điều lệ



Thành viên độc lập HĐQT
Năm sinh: 1979.
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
Quá trình công tác:
Từ tháng 02/2004 kế toán Công ty Cổ phần Nam Việt
Từ năm 2010 đến nay: Kế toán DNTN Thanh Thiên
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần – 0% vốn điều lệ

• NHỮNG THAY ĐỔI TRONG THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH:

Không phát sinh

• NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1.	08/NQ-HĐQT	02/01/2024	Nghị quyết HĐQT về việc chuyển lợi nhuận từ Công ty Nam Việt Solar về Công ty Nam Việt
2.	17/NQ-HĐQT	06/02/2024	Nghị quyết HĐQT về việc chuyển lợi nhuận từ Công ty Nam Việt Solar về Công ty Nam Việt
3.	33/NQ-HĐQT	27/03/2024	Nghị quyết HĐQT về việc chuyển lợi nhuận từ Công ty Ấn Độ Dương Solar về Công ty Nam Việt
4.	39/NQ-HĐQT	27/03/2024	Nghị quyết HĐQT về việc chuyển lợi nhuận từ Công ty Đại Tây Dương Solar về Công ty Nam Việt
5.	31/NQ-HĐQT	02/04/2024	Nghị quyết HĐQT về việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2024
6.	53/NQ-HĐQT	15/04/2024	Nghị quyết HĐQT về việc chuyển lợi nhuận từ Công ty Nam Việt Solar về Công ty Nam Việt
7.	43/NQ-HĐQT	26/04/2024	Nghị quyết HĐQT về việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2024
8.	79/NQ-HĐQT	12/06/2024	Nghị quyết HĐQT về việc chuyển lợi nhuận từ Công ty Đại Tây Dương Solar về Công ty Nam Việt
9.	82/NQ-HĐQT	12/06/2024	Nghị quyết HĐQT về việc chuyển lợi nhuận từ Công ty Ấn Độ Dương Solar về Công ty Nam Việt
10.	85/NQ-HĐQT	12/06/2024	Nghị quyết HĐQT về việc chuyển lợi nhuận từ Công ty Nam Việt Solar về Công ty Nam Việt
11.	64/NQ-HĐQT	14/06/2024	Nghị quyết HĐQT về việc thành lập Nhà Máy Đông Lạnh Ấn Độ Dương - Chi nhánh Công ty Nam Việt
12.	68/NQ-HĐQT	14/06/2024	Nghị quyết HĐQT về việc thành lập NM DCBC Ấn Độ Dương - Chi nhánh Công ty Nam Việt
13.	76/NQ-HĐQT	14/06/2024	Nghị quyết HĐQT về việc chuyển lợi nhuận từ Công ty Nam Việt Bình Phú về Công ty Nam Việt
14.	88/NQ-HĐQT	14/06/2024	Nghị quyết HĐQT về việc chuyển lợi nhuận từ Công ty Chế Biến Thức Ăn về Công ty Nam Việt
15.	101/NQ-HĐQT	01/07/2024	Nghị quyết HĐQT về việc chuyển lợi nhuận từ Công ty Nam Việt Solar về Công ty Nam Việt
16.	109/NQ-HĐQT	03/07/2024	Nghị quyết HĐQT về việc chuyển lợi nhuận từ Công ty Nam Việt Bình Phú về Công ty Nam Việt
17.	94/NQ-HĐQT	05/07/2024	Nghị quyết HĐQT về việc triển khai phát hành CP tăng vốn cổ phần từ NVCSH
18.	106/NQ-HĐQT	12/07/2024	Nghị quyết HĐQT về việc cử người đại diện góp vốn của Công ty CP Nam Việt vào AMICOGEN
19.	120/NQ-HĐQT	11/09/2024	Nghị quyết HĐQT về việc chi trả cổ tức bằng tiền năm 2023
20.	135/NQ-HĐQT	25/09/2024	Nghị quyết HĐQT về việc chuyển lợi nhuận từ Công ty Nam Việt Solar về Công ty Nam Việt
21.	138/NQ-HĐQT	26/09/2024	Nghị quyết HĐQT về việc chuyển lợi nhuận từ Công ty Ấn Độ Dương Solar về Công ty Nam Việt
22.	141/NQ-HĐQT	26/09/2024	Nghị quyết HĐQT về việc chuyển lợi nhuận từ Công ty Đại Tây Dương Solar về Công ty Nam Việt
23.	128/NQ-HĐQT	02/10/2024	Nghị quyết HĐQT về việc chốt DS cổ đông nhận CP phát hành tăng vốn cổ phần từ NVCSH
24.	152/NQ-HĐQT	13/11/2024	Nghị quyết HĐQT về việc tăng vốn điều lệ do phát hành CP tăng vốn cổ phần từ NVCSH
25.	167/NQ-HĐQT	27/11/2024	Nghị quyết HĐQT về việc chuyển lợi nhuận từ Công ty Nam Việt Solar về Công ty Nam Việt
26.	173/NQ-HĐQT	10/12/2024	Nghị quyết HĐQT về việc chuyển lợi nhuận từ Công ty Nam Việt Bình Phú về Công ty Nam Việt
27.	176/NQ-HĐQT	10/12/2024	Nghị quyết HĐQT về việc chuyển lợi nhuận từ Công ty Nam Việt Solar về Công ty Nam Việt
28.	179/NQ-HĐQT	10/12/2024	Nghị quyết HĐQT về việc chuyển lợi nhuận từ Công ty Đại Tây Dương Solar về Công ty Nam Việt
29.	182/NQ-HĐQT	10/12/2024	Nghị quyết HĐQT về việc chuyển lợi nhuận từ Công ty Ấn Độ Dương Solar về Công ty Nam Việt

• HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP:

Tham gia dự họp đầy đủ các phiên họp của HĐQT, tham gia giám sát việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Ban Tổng giám đốc.

Thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

• SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

STT	Thành viên Ban KTNB	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1.	Lê Tiến Dũng	Trưởng Ban	29	100%	
2.	Dương Minh Phong	Thành viên	14	48,27%	Đi công tác

• HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

- Tham dự các cuộc họp điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc công ty.

- Giám sát việc triển khai kế hoạch và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024.

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh nhằm đảm bảo công ty hoạt động đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- Giám sát trình tự thủ tục ban hành các văn bản pháp lý của HĐQT, Ban TGD và việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Kiểm soát các chế độ chính sách liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty.

- Kiểm soát việc thực hiện, chấp hành các quy trình, quy định của các phòng ban.

• CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ; BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT/ ỦY BAN KIỂM TOÁN:

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

			Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		
STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Lý do tăng giảm
1.	Doãn Tới	Phó Chủ tịch HĐQT - TGD	71.805.000	53,94%	143.610.000	53,85%	Nhận cổ phiếu thưởng tỷ lệ 1:1
2.	Đỗ Lập Nghiệp	Chủ tịch HĐQT - Phó TGD	469.000	0,35%	938.000	0,35%	Nhận cổ phiếu thưởng tỷ lệ 1:1
3.	Trần Minh Cảnh	Thành viên HĐQT - Phó TGD	450.000	0,34%	500.000	0,19%	Nhận cổ phiếu thưởng tỷ lệ 1:1 và bán CP
4.	Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	370.000	0,28%	140.000	0,05%	Nhận cổ phiếu thưởng tỷ lệ 1:1 và bán CP
5.	Nguyễn Thị Minh Ý	Thành viên HĐQT Độc lập	0	0%	0	0%	
6.	Nguyễn Văn Vỹ	Phó TGD	450.000	0,34%	900.000	0,34%	Nhận cổ phiếu thưởng tỷ lệ 1:1
7.	Nguyễn Thanh Liêm	Phó Chủ tịch HĐQT - TGD	452.500	0,34%	677.000	0,25%	Nhận cổ phiếu thưởng tỷ lệ 1:1 và bán CP
8.	Nguyễn Hà Thu Diễm	Kế toán trưởng	15.000	0,01%	15.000	0,005%	Nhận cổ phiếu thưởng tỷ lệ 1:1 và bán CP
9.	Lê Tiến Dũng	Trưởng ban KTNB	15.000	0,01%	0	0,00%	Bán giải quyết nhu cầu cá nhân
10.	Dương Minh Phong	Thành viên ban KTNB	10.444	0,01%	10.000	0,01%	Nhận cổ phiếu thưởng tỷ lệ 1:1 và bán CP

Tiền lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của hội đồng quản trị, ban giám đốc và ban kiểm toán:

STT	Thành viên HĐQT	Thu nhập
1.	Ông Đỗ Lập Nghiệp - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.171.749.627
2.	Ông Doãn Tới - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	228.756.000
3.	Bà Dương Thị Kim Hương - Phó Tổng Giám đốc	108.756.000
4.	Ông Trần Minh Cảnh - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.166.513.746
5.	Ông Nguyễn Văn Vỹ - Phó Tổng Giám đốc	919.292.000
6.	Ông Nguyễn Thanh Liêm - Phó Tổng Giám đốc	920.292.000
7.	Bà Đỗ Thị Thanh Thủy - Thành viên Hội đồng quản trị - Kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán - Bổ nhiệm TV HĐQT ngày 11/06/2022	576.705.000
8.	Bà Nguyễn Hà Thu Diễm - Kế toán trưởng	474.765.277
9.	Bà Nguyễn Thị Minh Ý - Thành viên HĐQT độc lập - Kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	50.000.000
10.	Ông Lê Tiến Dũng - Trưởng ban kiểm toán nội bộ	324.918.000
11.	Ông Dương Minh Phong - Thành viên ban kiểm toán nội bộ	178.055.000
Cộng		6.119.802.650

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: tính từ 01/01/2024 đến 31/12/2024:

STT	Bên A	Bên B	Nội Dung Giao Dịch
1.	Công ty Cổ phần Nam Việt	Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	Bán thành phẩm, cho thuê Bán vật tư, bán điện Mua tài sản
2.	Công ty Cổ phần Nam Việt	Công ty TNHH Đại Tây Dương	Thuê kho, tiền điện Phí sử dụng hạ tầng
3.	Công ty Cổ phần Nam Việt	Doãn Tới	Công ty chia cổ tức
4.	Công ty Cổ phần Nam Việt	Doãn Chí Thanh	Công ty chia cổ tức
5.	Công ty Cổ phần Nam Việt	Doãn Chí Thiên	Công ty chia cổ tức
6.	Công ty Cổ phần Nam Việt	Đỗ Lập Nghiệp	Công ty chia cổ tức
7.	Công ty Cổ phần Nam Việt	Nguyễn Văn Vỹ	Công ty chia cổ tức
8.	Công ty Cổ phần Nam Việt	Nguyễn Thanh Liêm	Công ty chia cổ tức, tiền thuê đất
9.	Công ty Cổ phần Nam Việt	Trần Minh Cảnh	Công ty chia cổ tức
10.	Công ty Cổ phần Nam Việt	Nguyễn Hà Thu Diễm	Công ty chia cổ tức
11.	Công ty Cổ phần Nam Việt	Đỗ Thị Thanh Thủy	Công ty chia cổ tức

• SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC:

- Luôn luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai Nghị quyết ĐHCĐ, Nghị quyết của HĐQT.
- Tích cực tham gia đóng góp ý kiến trong các vấn đề thiếu sót trong quy trình kiểm soát nội bộ tại các phòng ban, đề xuất các giải pháp cải thiện những thiếu sót trong quy trình nhằm ngày càng hoàn thiện các chế độ, chính sách, quy trình quy định, quy chế, góp phần nâng cao năng lực quản trị điều hành và hạn chế rủi ro trong các hoạt động của công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm 2024, tình hình chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược gay gắt, xung đột leo thang ở Ukraine, Trung đông, Biển đỏ, căng thẳng gia tăng ở bán đảo Triều Tiên và eo biển Đài Loan; giá xăng dầu, hàng hóa cơ bản, cước vận tải biển biến động mạnh; kinh tế, thương mại phục hồi chậm, thiếu vững chắc; đầu tư toàn cầu sụt giảm; tỷ giá, lãi suất biến động khó lường; thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh lương thực, an ninh mạng diễn biến phức tạp.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới khó khăn và có dấu hiệu suy thoái, nhiều doanh nghiệp phải cắt giảm lao động thậm chí ngưng hoạt động, có thể xem là năm khó khăn nhất của rất nhiều công ty, trong đó có Nam Việt. Doanh thu năm 2024 là 4.911 tỷ đồng, đạt 110,64% so với năm 2023, lợi nhuận trước thuế đạt 78,5 tỷ đồng, đạt 121,73% so với năm 2023.

Hiện nay, Công ty đảm bảo tự chủ 100% thức ăn cho việc nuôi trồng, 100% cá nguyên liệu cho các nhà máy chế biến, trong đó:

10 dây chuyền sản xuất nhà máy thức ăn với công suất hơn

1000 tấn
thành phẩm/ ngày

4 nhà máy chế biến

với tổng công suất thiết kế 1.360 tấn cá nguyên liệu/ ngày, gồm:

- Nhà máy đông lạnh thủy sản Ấn Độ Dương (DL18)
- Nhà máy đông lạnh thủy Nam Việt (DL152)
- Nhà máy đông lạnh thủy sản Thái Bình Dương (DL384)
- Nhà máy đông lạnh thủy Đại Tây Dương (DL408)

1100 ha

Gần 600 ha vùng nuôi Công ty TNHH MTV NTTS Nam Việt – Bình Phú

14 vùng nuôi cá

Công ty Cổ phần Nam Việt với tổng diện tích mặt nước đạt 152 ha

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

• ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2024, mặc dù đối mặt với nhiều thử thách nhưng các mặt hoạt động của công ty vẫn giữ ổn định và tăng trưởng. Các lĩnh vực hoạt động chính của công ty bao gồm chế biến thức ăn, nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản đông lạnh, điện năng lượng mặt trời đều hoạt động có hiệu quả.

Kết quả kinh doanh đạt được là nhờ sự quyết tâm lao động hăng say của hơn 6000 cán bộ, nhân viên dưới sự lãnh đạo của Ban Tổng Giám đốc công ty; góp phần vào tăng trưởng và đóng góp nguồn thu ngân sách địa phương; góp phần vào sự phát triển chung của toàn ngành thủy sản.

• CÁC CÔNG TÁC KHÁC

Kiểm soát chi phí và tiết kiệm chi phí:

- Các đơn vị nghiệp vụ như kế toán, mua hàng, sản xuất, xuất nhập khẩu,... luôn quan tâm và theo sát tình hình chi phí trong hoạt động kinh doanh.

- Phân tích nguyên nhân làm chi phí tăng cao và giải pháp khắc phục hiệu quả.

- Kiểm soát chặt chẽ công tác giao nhận, xuất nhập hàng hóa, đảm bảo tối ưu hóa chi phí vận chuyển và logistics.

- Ứng dụng phần mềm ERP quản lý sản xuất kinh doanh hiệu quả, giúp tối ưu hóa chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Kết luận: Công ty luôn đề cao tinh thần trách nhiệm trong hoạt động kinh doanh, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của xã hội và cộng đồng.

• ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Về chỉ đạo, điều hành, giám sát, các hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Theo dõi, giám sát thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

- Ban Tổng Giám đốc luôn lấy hiệu quả kinh tế & lợi nhuận làm mục tiêu hành động, sâu sát với công việc, có trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ được giao, đem lại hiệu quả cao nhất cho công ty.

- Đội ngũ lãnh đạo có tư duy tổng hợp, phân tích tìm ra những nguyên nhân yếu kém và các giải pháp cải tiến, khắc phục kịp thời những hạn chế trong điều hành, ngăn chặn thất thoát thiệt hại cho công ty.

- Gương mẫu chấp hành đầy đủ và nghiêm túc các quy định trong Điều lệ Công ty, thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

- Thăng thấn nhìn nhận các khuyết điểm để cải tiến, điều hành quản lý tốt hơn.

Kết quả đạt được:

Trong tình hình kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn, nhiều ngành nghề phải cắt giảm lao động, thậm chí ngưng sản xuất, nhưng Ban Giám đốc công ty vẫn điều hành tốt công việc được giao, giúp doanh thu đạt 98,2% kế hoạch và đạt lợi nhuận là 79 tỷ.

Quản lý tài chính:

- Tuân thủ đầy đủ các chế độ kế toán, chính sách tài chính do Nhà nước ban hành.

- Áp dụng chuẩn mực kế toán quốc gia, đảm bảo tính minh bạch và chính xác trong hoạt động tài chính.

- Lưu trữ, sắp xếp hồ sơ kế toán khoa học, đáp ứng yêu cầu kiểm tra, kiểm toán của cơ quan chức năng.

Trách nhiệm với môi trường, xã hội, cộng đồng:

- Cam kết bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất theo đúng quy định của pháp luật.

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động xã hội, cộng đồng tại địa phương, góp phần xây dựng môi trường sống văn minh, phát triển bền vững.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Tích cực tìm kiếm thêm các đối tác, khách hàng để mở rộng thị trường.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra để đáp ứng các quy chuẩn của từng quốc gia.

- Đa dạng hóa sản phẩm chế biến từ cá tra và quan tâm phát triển thị trường nội địa.

- Sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, ứng dụng các thành tựu công nghệ và kỹ thuật vào sản xuất, quản lý để nâng cao năng suất.

- Tiếp tục áp dụng công nghệ cao để tự chủ về con giống cá tra chất lượng cao.

- Tập trung nghiên cứu, khai thác hết tiềm năng sẵn có của công ty để tiết giảm chi phí tối đa và tăng nguồn thu cho công ty.

- Tiếp tục tuyển dụng, đào tạo đội ngũ cán bộ kế thừa để đảm bảo yêu cầu phát triển ngày càng cao của công ty.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

• MỤC TIÊU - CHIẾN LƯỢC SXKD NĂM 2025:

- Tích cực đi vào chất lượng của chuỗi sản xuất theo hướng nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm, giảm chi phí, đảm bảo môi trường.

- Tìm kiếm thêm các khách hàng mới và duy trì khách hàng hiện hữu.

- Duy trì năng lực sản xuất và cải thiện kỹ thuật nuôi trồng và chế biến thủy sản để có sản phẩm đạt chất lượng tốt, ổn định, giá cả hợp lý.

• CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TRONG NĂM 2025:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025 (Tỷ đồng)
Tổng doanh thu	6.200 đến 7.000
Tổng lợi nhuận trước thuế	500
Cổ tức năm 2024	5%
Cổ tức năm 2025	10%

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

NAVICO cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về quản trị công ty, đảm bảo hoạt động minh bạch, hiệu quả và hướng đến phát triển bền vững. Chúng tôi không ngừng nâng cao hệ thống quản trị theo các chuẩn mực quốc tế, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài.

TUÂN THỦ QUY ĐỊNH

Năm 2024, NAVICO tiếp tục tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về quản trị công ty, bao gồm các quy định dành cho doanh nghiệp niêm yết. Công ty luôn đề cao sự công khai, minh bạch trong mọi hoạt động, đảm bảo cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin đến các bên liên quan. Hệ thống quản trị doanh nghiệp của NAVICO không ngừng được hoàn thiện, hướng đến các nguyên tắc quản trị tiên tiến và bền vững.



CHUYỂN ĐỔI SỐ

NAVICO đẩy mạnh chiến lược chuyển đổi số nhằm tối ưu hóa hoạt động quản trị doanh nghiệp theo hướng hiện đại và khoa học. Công ty ứng dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến để nâng cao hiệu quả vận hành, giảm thiểu rủi ro và tối ưu hóa quy trình quản lý. Trong năm 2024, NAVICO đã và tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị theo tiêu chuẩn quốc tế, bám sát các nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất.



CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CỐT LÕI

Trong năm 2024, NAVICO tiếp tục triển khai hoạt động giám sát và điều hành doanh nghiệp theo sát 10 nguyên tắc chủ chốt trong Bộ nguyên tắc quản trị công ty (Corporate Governance Principles) – một tài liệu được các tổ chức uy tín như OECD (Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế) và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khuyến nghị áp dụng cho các công ty đại chúng.



01.

Thiết lập rõ vai trò, trách nhiệm và cam kết của HĐQT

HĐQT NAVICO duy trì cơ cấu chuyên nghiệp và đa dạng, bao gồm 5 thành viên, trong đó có 1 thành viên độc lập và 2 thành viên nữ. Cơ cấu này đáp ứng các tiêu chuẩn quản trị hiện đại, đảm bảo sự cân bằng về giới tính, chuyên môn và kinh nghiệm. Vai trò giữa Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc được tách biệt rõ ràng, góp phần nâng cao tính độc lập, khách quan trong quá trình ra quyết định, đặc biệt ở những vấn đề có khả năng phát sinh xung đột lợi ích. Các thành viên HĐQT đều có nền tảng chuyên môn vững chắc và kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực thủy sản, tài chính và quản trị doanh nghiệp.

Thiết lập HĐQT có năng lực và chuyên nghiệp

HĐQT NAVICO có 1 thành viên độc lập, đảm bảo sự cân bằng về chuyên môn, kinh nghiệm và giới tính theo thông lệ quản trị tốt. Các thành viên đều có trình độ chuyên môn cao, dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực thủy sản, tài chính và quản trị doanh nghiệp. Công ty chú trọng cập nhật kiến thức và kỹ năng quản trị cho HĐQT thông qua các chương trình đào tạo phù hợp.

02.

03.

Xây dựng HĐQT chuyên nghiệp và có năng lực

HĐQT NAVICO được cơ cấu một cách đa dạng, bao gồm 5 thành viên, trong đó có 1 thành viên độc lập và 2 thành viên nữ, đảm bảo sự cân bằng về chuyên môn, kinh nghiệm và giới tính theo thông lệ quản trị tốt. Các thành viên đều có trình độ chuyên môn cao, dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực thủy sản, tài chính và quản trị doanh nghiệp. Công ty chú trọng cập nhật kiến thức và kỹ năng quản trị cho HĐQT thông qua các chương trình đào tạo phù hợp. Đồng thời, cơ chế tách biệt giữa Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc được duy trì nhằm bảo đảm tính độc lập, khách quan trong ra quyết định và nâng cao hiệu quả giám sát.

Thành lập các Ủy ban thuộc HĐQT

Trong năm 2024, với cơ cấu tổ chức và hoạt động kinh doanh hiện hành, NAVICO chưa cần thành lập các Ủy ban chuyên trách. Tuy nhiên, HĐQT vẫn thường xuyên đánh giá nhu cầu và sẵn sàng xem xét triển khai trong tương lai khi cần thiết để nâng cao hiệu quả quản trị và giám sát.

04.

05.

Bảo đảm hoạt động hiệu quả của HĐQT

NAVICO thực hiện đánh giá hoạt động HĐQT minh bạch định kỳ hàng năm nhằm nâng cao hiệu quả quản trị. HĐQT cũng cân nhắc triển khai đánh giá cá nhân từng thành viên trong thời gian phù hợp. Ngoài ra, công ty công bố công khai thù lao của HĐQT, Ban Điều hành và các vị trí quản lý trong Báo cáo tài chính, tuân thủ quy định pháp luật và Nghị quyết ĐHĐCĐ, đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

06.

Thiết lập và duy trì văn hóa đạo đức công ty

NAVICO đã xây dựng hệ thống văn bản và quy trình nhằm định hướng hành vi đạo đức, ứng xử trong văn hóa doanh nghiệp. Các chương trình tuyên truyền, đào tạo về văn hóa doanh nghiệp được tổ chức thường xuyên, kết hợp với cơ chế khen thưởng – kỷ luật rõ ràng nhằm khuyến khích hành vi chuẩn mực. HĐQT đóng vai trò dẫn dắt trong việc duy trì văn hóa đạo đức, làm gương trong hoạt động quản trị và điều hành.

Thiết lập khung quản lý rủi ro và môi trường kiểm soát vững mạnh

NAVICO duy trì quy trình theo dõi thực hiện các khuyến nghị kiểm toán, phân công rõ trách nhiệm và báo cáo tiến độ cho HĐQT. HĐQT cũng thiết lập tiêu chí lựa chọn kiểm toán viên độc lập dựa trên kinh nghiệm, uy tín và chất lượng dịch vụ. Ban Kiểm toán nội bộ hoạt động hiệu quả, góp phần tăng cường kiểm soát, giảm rủi ro và nâng cao năng lực quản trị. Đồng thời, HĐQT định kỳ đánh giá chất lượng kiểm toán để đảm bảo tuân thủ và minh bạch.

Năm 2024, NAVICO tiếp tục chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C làm đơn vị kiểm toán độc lập, nhờ uy tín và kinh nghiệm trong lĩnh vực thủy sản, nhằm đảm bảo độ tin cậy và minh bạch cho báo cáo tài chính.

07.

08.

Tăng cường hoạt động công bố thông tin của công ty

NAVICO tuân thủ đầy đủ và đúng hạn các quy định công bố thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán nhà nước và HOSE, đảm bảo tính minh bạch, công bằng và chính xác cho mọi cổ đông, đối tác. Thông tin được cập nhật song ngữ trên website và các kênh truyền thông chính thức. Trong năm 2024, Công ty không ghi nhận vi phạm và tiếp tục được đánh giá cao về công tác công bố thông tin. Các hoạt động môi trường – xã hội cũng được công khai, thể hiện cam kết phát triển bền vững.

Thiết lập khuôn khổ để thực hiện hiệu quả quyền của cổ đông

Trong năm 2024, NAVICO tiếp tục thiết lập khuôn khổ hiệu quả nhằm bảo vệ và thực thi quyền của cổ đông. Công ty đảm bảo công bố đầy đủ, kịp thời các thông tin quan trọng như báo cáo tài chính, quản trị, ĐHĐCĐ, cổ tức... trên website song ngữ, giúp cổ đông dễ dàng tiếp cận. Cổ đông được tham dự, biểu quyết tại ĐHĐCĐ và đề xuất các vấn đề quan trọng theo quy định. NAVICO đã chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%, tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ.

09.

10.

Tăng cường tham gia hiệu quả của các bên có quyền lợi liên quan

NAVICO luôn coi trọng vai trò của các bên liên quan và không ngừng tăng cường sự tham gia hiệu quả của họ trong quá trình phát triển. Công ty duy trì kênh đối thoại cởi mở, lắng nghe và tiếp thu ý kiến từ cổ đông, khách hàng, đối tác, người lao động và cộng đồng địa phương.

CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO

• CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ RỦI RO:

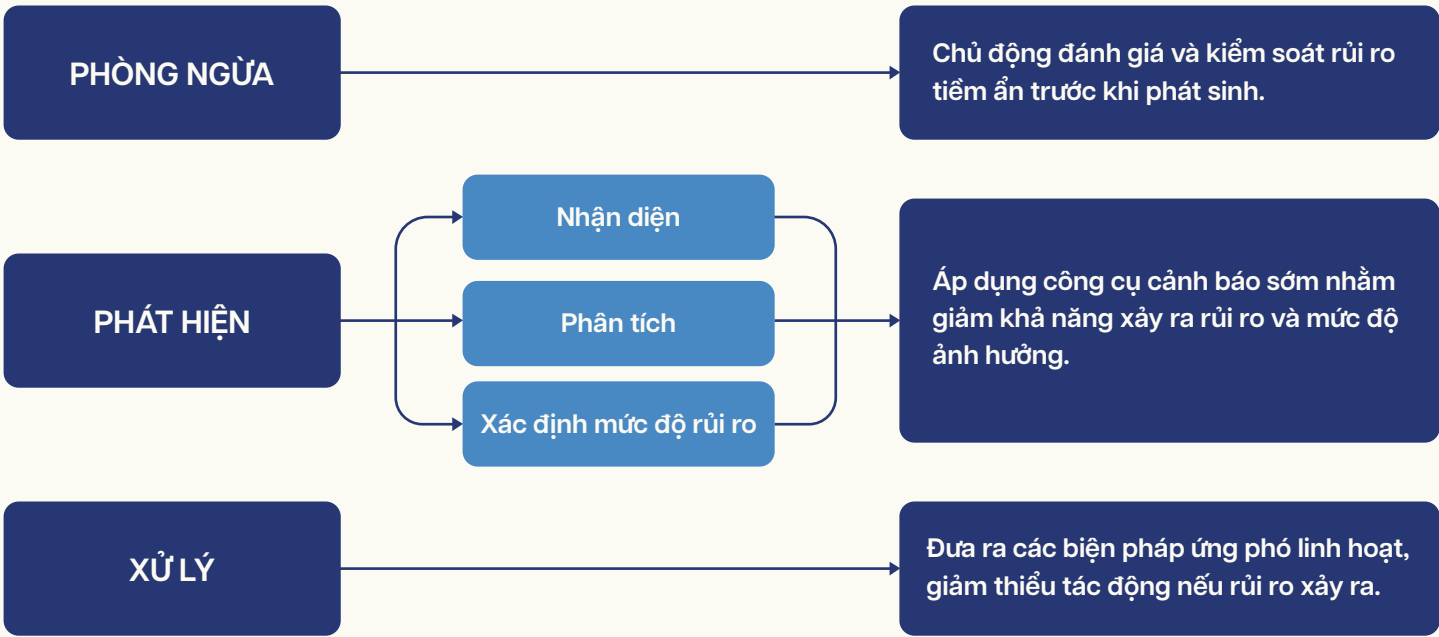
Gồm 3 phòng ban:



- **Hội đồng Quản trị:** Định hướng chiến lược, chịu trách nhiệm cao nhất trong việc giám sát toàn bộ công tác quản lý rủi ro.
- **Ban Điều hành:** Tổ chức triển khai, phân công nhiệm vụ quản lý rủi ro đến từng phòng, ban theo lĩnh vực phụ trách. Các phòng, ban chức năng sẽ chủ động nhận diện, đánh giá, phân loại và xây dựng kế hoạch kiểm soát rủi ro.
- **Ban Kiểm toán nội bộ:** Theo dõi, đánh giá độc lập việc vận hành hệ thống quản lý rủi ro trong toàn Công ty.

• QUY TRÌNH QUẢN LÝ RỦI RO

Hệ thống quản lý rủi ro của NAVICO được xây dựng gồm 3 bước chính:



• CHIẾN LƯỢC QUẢN LÝ RỦI RO

MỤC TIÊU:

NAVICO triển khai chính sách quản lý rủi ro theo hướng toàn diện, có hệ thống, nhằm kiểm soát hiệu quả các rủi ro phát sinh trong hoạt động sản xuất – kinh doanh, từ đó đảm bảo sự phát triển bền vững và gia tăng giá trị cho cổ đông.

CHIẾN LƯỢC:

Nâng cao nhận thức và phát triển đội ngũ NAVICO đẩy mạnh đào tạo, truyền thông nội bộ và chia sẻ kiến thức để nâng cao nhận thức về quản trị rủi ro. Đồng thời, Công ty xây dựng đội ngũ chuyên trách có năng lực và tinh thần trách nhiệm cao.	Hoàn thiện cơ cấu và quản lý rủi ro trọng yếu Cơ cấu quản trị rủi ro được tổ chức rõ ràng, đảm bảo phân công trách nhiệm minh bạch. NAVICO thường xuyên rà soát, đánh giá và xây dựng phương án ứng phó với các rủi ro trọng yếu.	Ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số NAVICO tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong nhận diện, giám sát và xử lý rủi ro. Việc chuyển đổi số giúp tăng hiệu quả, minh bạch và khả năng phản ứng nhanh trước rủi ro.
---	---	---

• CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU, BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA & KẾT QUẢ NĂM 2024:

Rủi ro hoạt động: NAVICO đối mặt với biến động giá nguyên vật liệu, thị trường xuất khẩu, nhân sự và môi trường. Vì vậy, công ty chủ động theo dõi thị trường tài chính, điều chỉnh kế hoạch tài chính, phân bổ nhân sự linh hoạt và duy trì chính sách đãi ngộ phù hợp để ổn định sản xuất. Về môi trường, NAVICO đầu tư hệ thống xử lý nước và thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn nhằm giảm thiểu tác động từ hoạt động nuôi trồng.	Rủi ro tài chính: Biến động lãi suất và tỷ giá hối đoái có thể ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh. NAVICO kiểm soát bằng cách theo dõi thị trường tiền tệ, đa dạng hóa nguồn thu ngoại tệ và tối ưu hóa thời điểm thanh toán. Công ty cũng cập nhật thường xuyên các thay đổi pháp lý trong và ngoài nước để đảm bảo tuân thủ và mở rộng xuất khẩu bền vững.	Rủi ro pháp lý: NAVICO luôn cập nhật kịp thời các thay đổi trong luật doanh nghiệp, chứng khoán và xuất khẩu. Công ty cam kết tuân thủ pháp luật trong nước và quốc tế. Năm 2024, NAVICO duy trì hiệu quả hoạt động xuất khẩu sang các thị trường khó tính, tiếp tục khẳng định năng lực vượt qua rào cản pháp lý và chất lượng.
Rủi ro chính trị - xã hội: Biến động địa chính trị, xung đột khu vực, thiên tai và dịch bệnh tiếp tục là những yếu tố rủi ro khó lường, có thể ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng, hoạt động xuất khẩu và an toàn sản xuất. Năm 2024, NAVICO duy trì phương châm chủ động ứng phó – từ đánh giá kịch bản rủi ro, đến xây dựng kế hoạch duy trì hoạt động liên tục nhằm bảo toàn nguồn lực và đảm bảo an toàn cho người lao động.	Rủi ro ô nhiễm môi trường: Tình trạng xâm nhập mặn và hạn hán tại Đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục gây ảnh hưởng đến vùng nuôi và hệ sinh thái tự nhiên. NAVICO đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải công suất 2.000 m³/ngày, tái sử dụng 100% nước sau xử lý cho sản xuất. Công ty chủ động giám sát chất lượng nước và sử dụng ao chứa trung gian thay vì bơm trực tiếp từ sông để giảm tác động từ ô nhiễm nguồn nước và biến đổi khí hậu.	Rủi ro bên ngoài và rủi ro khác: NAVICO chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và các yếu tố bất khả kháng. Công ty triển khai các phương án dự phòng, đầu tư hệ thống xử lý nước đạt chuẩn và theo dõi sát diễn biến thị trường nhằm kịp thời điều chỉnh chiến lược, bảo vệ hoạt động sản xuất - kinh doanh.

• KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2025

- Trong năm 2025, NAVICO đặt mục tiêu nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro thông qua các hoạt động trọng tâm sau:
- Rà soát & cập nhật danh mục rủi ro: Đánh giá rủi ro hiện hữu và phát sinh mới dựa trên chiến lược kinh doanh và biến động môi trường vĩ mô.
 - Tăng cường văn hóa rủi ro: Lồng ghép quản trị rủi ro vào mọi cấp độ hoạt động; tổ chức đào tạo nâng cao nhận thức và trách nhiệm cá nhân.
 - Ứng dụng công nghệ trong giám sát rủi ro: Tiếp tục triển khai chuyển đổi số trong quản trị rủi ro, xây dựng hệ thống theo dõi, cảnh báo sớm và cập nhật theo thời gian thực.
 - Phân công rõ trách nhiệm: Hoàn thiện cơ cấu nhân sự phụ trách quản lý rủi ro tại các phòng ban, đảm bảo phân công - phối hợp - phân hồi hiệu quả.

mony on Green trade finance between
m and Nam Viet Corporation

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

CHƯƠNG 04

TRIỂN VỌNG KINH TẾ

• KINH TẾ THẾ GIỚI

Bước sang năm 2025, nền kinh tế toàn cầu tiếp tục duy trì đà phục hồi nhưng vẫn đối mặt với nhiều thách thức khi lãi suất ở mức cao, chính sách tài khóa thận trọng của các quốc gia lớn cùng với những bất ổn địa chính trị kéo dài. Tăng trưởng GDP toàn cầu được dự báo đạt khoảng 2,9%, trong đó các nền kinh tế đang phát triển tiếp tục là động lực chính dẫn dắt sự phục hồi. Tuy nhiên, lạm phát vẫn duy trì ở mức cao so với giai đoạn trước đại dịch, buộc các ngân hàng trung ương tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ chặt chẽ nhằm kiểm soát giá cả. Bên cạnh đó, xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt là sự dịch chuyển khỏi Trung Quốc sang các quốc gia Đông Nam Á, đang mở ra nhiều cơ hội mới cho các nền kinh tế trong khu vực, trong đó có Việt Nam.

• DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG CÁ TRA VIỆT NAM 2025

Trong bối cảnh đó, ngành cá tra Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục đà tăng trưởng khả quan trong năm 2025 với kim ngạch xuất khẩu dự kiến vượt mốc 2 tỷ USD. Các thị trường tiêu thụ chính vẫn tập trung tại Trung Quốc, Mỹ, EU, ASEAN, Trung Đông và Nam Mỹ, trong đó nhu cầu đối với các sản phẩm giá trị gia tăng như fillet, surimi, collagen, gelatin ngày càng nhiều. Mặc dù triển vọng tiêu thụ tích cực, doanh nghiệp ngành cá tra cần có những chiến lược phù hợp để vượt qua các rào cản thương mại, đáp ứng các tiêu chuẩn kiểm soát chất lượng ngày càng khắt khe từ các quốc gia nhập khẩu.

• DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM TRONG NĂM 2025

Tại Việt Nam, nền kinh tế năm 2025 được dự báo duy trì tốc độ tăng trưởng từ 6% đến 6,5%, tiếp tục nằm trong nhóm các quốc gia có tốc độ phát triển cao trong khu vực. Môi trường kinh doanh tiếp tục được cải thiện với nhiều chính sách ưu đãi nhằm thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đồng thời nhu cầu tiêu dùng nội địa ngày càng gia tăng nhờ vào sự phục hồi của thu nhập người dân. Ngành sản xuất, chế biến thực phẩm, thủy sản và nông nghiệp công nghệ cao tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế, tuy nhiên, các doanh nghiệp xuất khẩu vẫn phải đối mặt với những thách thức liên quan đến biến động tỷ giá, giá nguyên liệu đầu vào tăng cao cũng như những rào cản thương mại từ các thị trường xuất khẩu lớn.

• THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC

Trung Quốc vẫn duy trì vị thế là thị trường nhập khẩu cá tra lớn nhất của Việt Nam với mức tăng trưởng dự kiến từ 10-15% trong năm 2025. Sự phục hồi của nền kinh tế Trung Quốc sau giai đoạn suy giảm trước đó cùng với nhu cầu tiêu dùng thực phẩm thủy sản tăng cao là động lực chính giúp thị trường này tiếp tục mở rộng. Tuy nhiên, chính sách kiểm soát nhập khẩu thực phẩm ngày càng chặt chẽ của chính phủ Trung Quốc, đặc biệt là các tiêu chuẩn liên quan đến an toàn thực phẩm và nguồn gốc xuất xứ, sẽ tiếp tục là yếu tố mà các doanh nghiệp xuất khẩu cần đặc biệt lưu ý để đảm bảo khả năng cạnh tranh.

KINH TẾ THẾ GIỚI

2,9%

Năm 2025, nền kinh tế toàn cầu tiếp tục duy trì đà phục hồi, tăng trưởng GDP toàn cầu được dự báo đạt khoảng 2,9%.

DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM 2025

6 – 6,5%

Tại Việt Nam, nền kinh tế năm 2025 được dự báo duy trì tốc độ tăng trưởng từ 6,0% đến 6,5%, tiếp tục nằm trong nhóm các quốc gia có tốc độ phát triển cao trong khu vực.

DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG CÁ TRA VIỆT NAM 2025

VƯỢT 2 TỶ USD

Ngành cá tra Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục đà tăng trưởng khả quan trong năm 2025 với kim ngạch xuất khẩu dự kiến vượt mốc 2 tỷ USD.

THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC

10 – 15%

Trung Quốc vẫn duy trì vị thế là thị trường nhập khẩu cá tra lớn nhất của Việt Nam với mức tăng trưởng dự kiến từ 10-15% trong năm 2025.

TRIỂN VỌNG KINH TẾ

• KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

Các quốc gia như Thái Lan, Philippines, Malaysia và Indonesia tiếp tục là những thị trường tiêu thụ cá tra quan trọng, với nhu cầu nhập khẩu ổn định và có xu hướng tăng trưởng nhờ vào thu nhập bình quân đầu người được cải thiện. Bên cạnh đó, lợi thế về khoảng cách địa lý giúp chi phí logistics đến khu vực này thấp hơn so với các thị trường xa hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu.



• KHU VỰC BẮC MỸ & NAM MỸ

Tại thị trường Bắc Mỹ và Nam Mỹ, Mỹ vẫn duy trì vị thế là một trong những thị trường xuất khẩu quan trọng của cá tra Việt Nam, dù phải đối mặt với nhiều thách thức liên quan đến thuế chống bán phá giá và các quy định kiểm soát nhập khẩu ngày càng nghiêm ngặt. Trong khi đó, các nước Nam Mỹ như Brazil và Mexico tiếp tục là điểm đến tiềm năng nhờ vào nhu cầu tiêu dùng ổn định và các chính sách thương mại thuận lợi.

- Bắc Mỹ

Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường quan trọng đối với xuất khẩu cá tra Việt Nam, với nhu cầu tiêu thụ ổn định từ các chuỗi siêu thị, nhà hàng và ngành dịch vụ thực phẩm. Tuy nhiên, doanh nghiệp xuất khẩu phải đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt là thuế chống bán phá giá và các yêu cầu ngày càng nghiêm ngặt về kiểm soát chất lượng, truy xuất nguồn gốc và chứng nhận an toàn thực phẩm.

Tình hình xuất khẩu cá tra sang Hoa Kỳ trong năm 2025 dự kiến có thể gặp nhiều biến động do chính sách bảo hộ thương mại của nước này. Dù vậy, nhu cầu tiêu thụ cá tra tại Hoa Kỳ vẫn được dự báo tăng trưởng ổn định, đặc biệt là với các sản phẩm fillet đông lạnh có giá trị gia tăng cao.

Ngoài Hoa Kỳ, Canada cũng là một thị trường tiềm năng trong khu vực Bắc Mỹ. Người tiêu dùng Canada ngày càng ưa chuộng cá tra nhờ giá cả hợp lý và chất lượng ổn định. Các sản phẩm phổ biến tại thị trường này bao gồm fillet đông lạnh, cá tra cắt miếng/khoanh và cá tra tẩm gia vị.

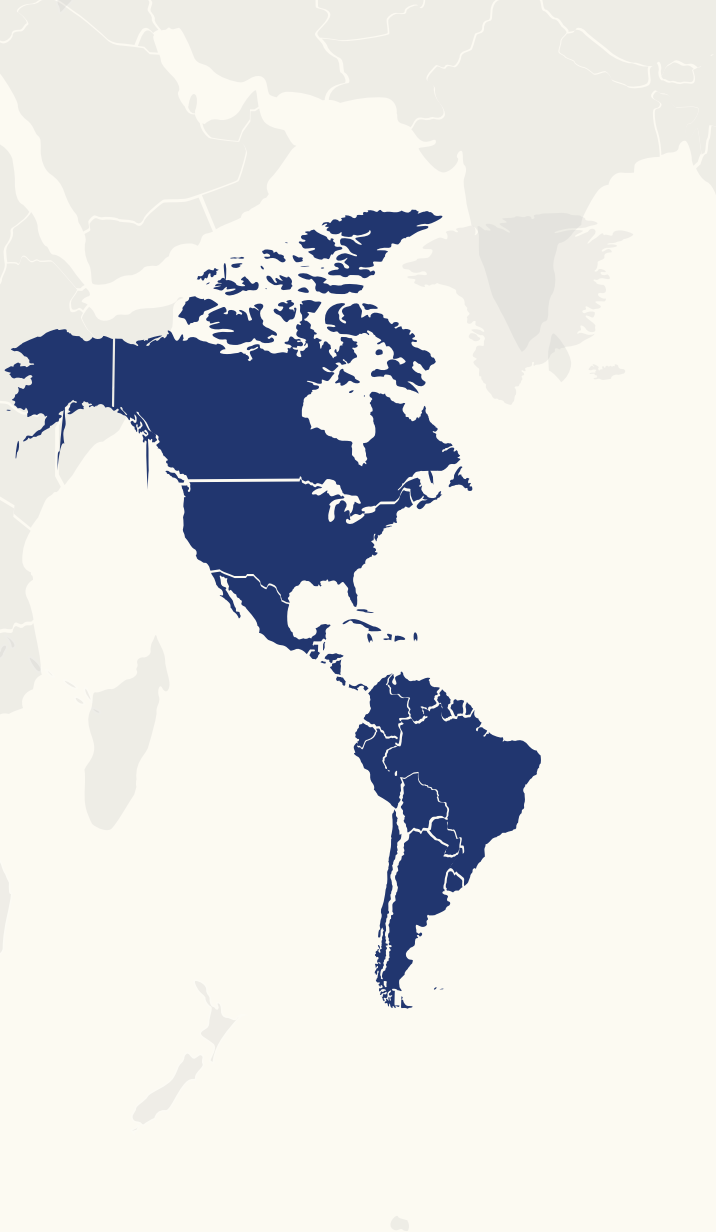
- Nam Mỹ

Nam Mỹ được đánh giá là một trong những khu vực có tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ đối với cá tra Việt Nam, trong đó Brazil và Mexico là hai thị trường quan trọng nhất.

Dự báo trong năm 2025, xuất khẩu cá tra sang Brazil sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng nhờ vào chính sách thương mại thuận lợi và mức tiêu thụ cao. Bên cạnh Brazil và Mexico, một số quốc gia khác tại Nam Mỹ như Argentina, Colombia và Chile cũng đang nổi lên như những thị trường tiềm năng cho cá tra Việt Nam. Các doanh nghiệp xuất khẩu cần tiếp tục mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác chiến lược và nâng cao chất lượng sản phẩm để tận dụng tối đa cơ hội từ khu vực này.

• CÁC THỊ TRƯỜNG KHÁC

Bên cạnh các thị trường truyền thống, các quốc gia tại châu Phi và khu vực Liên minh Kinh tế Á-Âu (EAEU) cũng được đánh giá là những thị trường tiềm năng mới cho cá tra Việt Nam trong giai đoạn tới. Việc mở rộng thị trường sang những khu vực này không chỉ giúp đa dạng hóa thị trường xuất khẩu mà còn góp phần giảm thiểu rủi ro từ sự phụ thuộc vào một số thị trường chính.

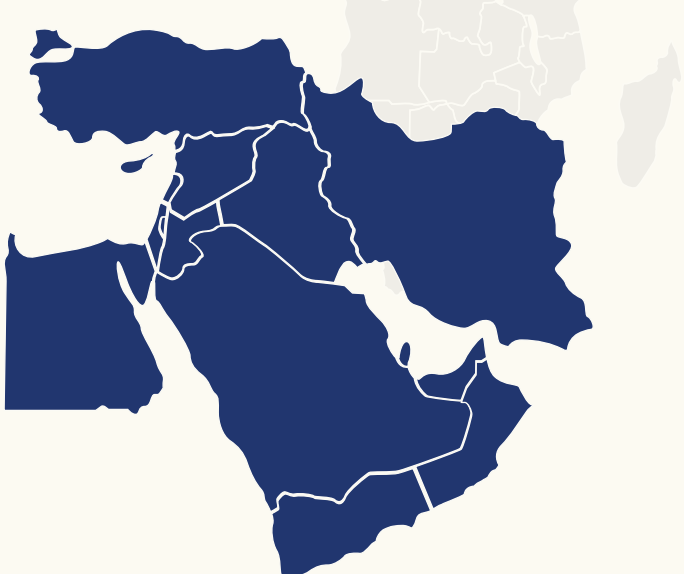


• KHU VỰC KHỐI CHÂU ÂU

Mặc dù nhu cầu tiêu dùng cá tra tiếp tục duy trì ở mức ổn định, các rào cản kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt từ các nước thành viên vẫn là thách thức lớn đối với doanh nghiệp Việt Nam. Các quy định về truy xuất nguồn gốc, an toàn thực phẩm và kiểm soát dư lượng kháng sinh ngày càng được siết chặt, buộc các doanh nghiệp xuất khẩu phải không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, cải thiện quy trình sản xuất để đáp ứng yêu cầu từ các nhà nhập khẩu.

• KHU VỰC TRUNG ĐÔNG

Nhu cầu tiêu thụ cá tra tiếp tục tăng trưởng tích cực, đặc biệt tại các quốc gia như Ai Cập, UAE và Ả Rập Saudi. Các sản phẩm fillet đông lạnh và cá tra cắt khúc vẫn là những mặt hàng chủ lực tại khu vực này nhờ vào ưu điểm giá thành hợp lý và phù hợp với thói quen tiêu dùng. Tuy nhiên, yếu tố biến động tỷ giá và chính sách thương mại của từng quốc gia có thể ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của sản phẩm cá tra Việt Nam.



CHI TIẾT CHIẾN LƯỢC & KẾ HOẠCH

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LÀM KIM CHỈ NAM - TẬP TRUNG MANG LẠI GIÁ TRỊ CHO CỘNG ĐỒNG

Tiếp tục theo đuổi chiến lược phát triển bền vững với mục tiêu giữ vững vị thế dẫn đầu trong ngành cá tra; ngoài ra, tập trung vào việc nâng cao hiệu quả hoạt động trong từng khâu sản xuất, để đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn đáp ứng các tiêu chuẩn cao nhất của thị trường quốc tế.



1. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Tiếp tục phát triển chuyên sâu, áp dụng công nghệ cao và nâng cấp chuỗi giá trị khép kín từ con giống, sản xuất thức ăn thủy sản, nuôi trồng thủy sản đến chế biến xuất khẩu.
- Đầu tư sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng từ nguồn nguyên liệu thu được từ chuỗi sản xuất từ nuôi trồng đến chế biến xuất khẩu như: sản xuất sản phẩm Collagen, Gelatin, Surimi... để đáp ứng nhu cầu đang tăng của thị trường quốc tế.
- Đa dạng hoá sản phẩm chế biến từ cá tra và quan tâm phát triển thị trường nội địa.
- Ứng dụng các thành tựu công nghệ, kỹ thuật vào sản xuất và quản lý để nâng cao năng suất và hiệu quả ở từng lĩnh vực, từng bộ phận phòng ban. Qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, vượt qua mọi khó khăn thử thách để hoàn thành sứ mệnh, mục tiêu chiến lược.



“Đối với NAVICO, ESG không chỉ là một cam kết mà còn là kim chỉ nam trong mọi hoạt động của Tập đoàn, giúp điều hoà giữa tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận và bảo vệ các giá trị xã hội, môi trường.”

2. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- | | | |
|---|--|--|
| <ul style="list-style-type: none">• Thị trường tiêu thụ:
Đa dạng hoá sản phẩm chế biến từ cá tra và quan tâm phát triển thị trường nội địa.• Chất lượng sản phẩm:
Đáp ứng đủ các yêu cầu tiêu chuẩn đầu ra của từng thị trường. Đảm bảo chất lượng sản phẩm tốt nhất đến tay người dùng. | <ul style="list-style-type: none">• Đối với môi trường:
Không ngừng cải tiến hệ thống quản lý môi trường, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, thực hiện tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng, chung tay bảo vệ môi trường, nguồn tài nguyên thiên nhiên. | <ul style="list-style-type: none">• Đối với cộng đồng, xã hội:
Thực hiện minh bạch giờ công, tiền lương, các chế độ phúc lợi xã hội. Đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người lao động, bảo vệ và nâng cao sức khỏe và tạo môi trường làm việc lành mạnh cho người lao động. |
|---|--|--|

3. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

- | | | |
|--|--|---|
| <ul style="list-style-type: none">• Mục tiêu, chiến lược sản xuất kinh doanh năm 2025:<ul style="list-style-type: none">- Tích cực đi vào chất lượng của chuỗi sản xuất theo hướng nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm, giảm chi phí, đảm bảo môi trường;- Tìm kiếm thêm các khách hàng mới và duy trì khách hàng hiện hữu;- Duy trì năng lực sản xuất và cải thiện kỹ thuật nuôi trồng và chế biến thủy sản để có sản phẩm đạt chất lượng tốt, ổn định, giá cả hợp lý; | <ul style="list-style-type: none">- Tích cực tìm kiếm thêm các đối tác, khách hàng để mở rộng thị trường;- Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra để đáp ứng các quy chuẩn của từng quốc gia;- Đa dạng hóa sản phẩm chế biến từ cá tra và quan tâm phát triển thị trường nội địa;- Sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, ứng dụng các thành tựu công nghệ và kỹ thuật vào sản xuất, quản lý để nâng cao năng suất; | <ul style="list-style-type: none">- Tiếp tục áp dụng công nghệ cao để tự chủ về con giống cá tra chất lượng cao;- Tập trung nghiên cứu, khai thác hết tiềm năng sẵn có của công ty để tiết giảm chi phí tối đa và tăng nguồn thu cho công ty;- Tiếp tục tuyển dụng, đào tạo đội ngũ cán bộ kế thừa để đảm bảo yêu cầu phát triển ngày càng cao của công ty. |
|--|--|---|

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

BÁO CÁO



NAVICO NAM VIET CORPORATION

Với tầm nhìn “Tái kiến thiết - Tạo khác biệt”, NAVICO tiếp tục khẳng định vai trò tiên phong trong việc tạo dựng những giá trị bền vững. Không chỉ đơn thuần là doanh nghiệp, Nam Việt còn là biểu tượng của sự sáng tạo và quyết tâm vươn lên, vượt qua thử thách để kiến tạo tương lai.



TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



THÔNG ĐIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trước những biến động không ngừng của thị trường toàn cầu, NAVICO vững bước như một cánh buồm kiên cường đối mặt với sóng gió. Hơn 30 năm qua, chúng tôi đã không ngừng phát triển và đổi mới, xây dựng nền tảng vững chắc để dẫn đầu trong ngành thủy sản, đồng thời thực hiện sứ mệnh mang lại giá trị lâu dài cho cộng đồng và môi trường.

Với triết lý “Tái kiến thiết tạo khác biệt”, NAVICO đặt mục tiêu hài hòa lợi ích kinh tế với trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường. Cam kết của chúng tôi được thể hiện qua việc áp dụng công nghệ tiên tiến, tối ưu hóa chuỗi cung ứng, phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng và đón đầu xu hướng xanh nhằm mang lại lợi ích bền vững cho các bên liên quan.

Hướng về tương lai, chúng tôi không ngừng nuôi dưỡng khát vọng chinh phục những đỉnh cao mới, hướng đến việc khẳng định vị thế dẫn đầu trong ngành thủy sản và tiếp tục mang lại giá trị bền vững cho cộng đồng.

- Ông Doãn Tới - Tổng Giám đốc NAVICO chia sẻ

“ NAVICO không chỉ tập trung vào việc nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ đạt tiêu chuẩn quốc tế, mà còn không ngừng đổi mới, cải tiến công nghệ, nhằm tối ưu hóa chuỗi cung ứng và phát triển các giải pháp xanh, bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên. ”

MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại NAVICO, đồng hành bền vững không chỉ là một cam kết, mà còn là kim chỉ nam cho mọi hoạt động trong chiến lược phát triển của chúng tôi: Luôn hướng đến mục tiêu hài hòa lợi ích của tất cả các bên liên quan, từ khách hàng, đối tác, nhân viên đến cộng đồng và truyền thông.

Nền tảng của mối quan hệ bền vững được xây dựng dựa trên sự tin nhiệm, minh bạch và đạo đức kinh doanh cao nhất. Các chính sách của NAVICO không chỉ đáp ứng nhu cầu thực tế mà còn vượt lên trên, để thỏa mãn tối đa mối quan tâm và kỳ vọng của các bên.



CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ

Nâng tầm hiệu quả, minh bạch thông tin, kiến tạo niềm tin cho nhà đầu tư.

- **Hiệu quả kinh doanh:** Tối ưu hóa hoạt động, gia tăng lợi nhuận, mang lại lợi ích cao nhất cho cổ đông và nhà đầu tư.
- **Quản trị minh bạch:** Áp dụng các nguyên tắc quản trị tiên tiến, đảm bảo thông tin minh bạch, rõ ràng trên mọi phương diện.



KHÁCH HÀNG



ĐỐI TÁC, NHÀ CUNG CẤP

NAVICO luôn đề cao sự chân thành, lấy uy tín làm tiêu chí tiên quyết trong mọi mối quan hệ hợp tác.

- **Tôn trọng sự bình đẳng giữa các bên,** cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, và hợp tác dựa trên lợi ích chung, cùng nhau phát triển bền vững.
- **Ưu tiên nhà cung cấp đủ năng lực,** có hệ thống quản lý chuyên nghiệp, có ý thức trách nhiệm với xã hội, môi trường, cộng đồng và tuân thủ pháp luật, cũng như các tiêu chuẩn quốc tế.

Sứ mệnh của NAVICO là nâng tầm sản phẩm, kiến tạo cuộc sống.

- **Đa dạng hóa sản phẩm:** Cung cấp đa dạng các sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng mọi nhu cầu, từ cơ bản đến cao cấp, phù hợp với xu hướng tiêu dùng mới nhất.
- **Nâng cao chất lượng:** Không ngừng cải tiến, ứng dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm, mang đến cho khách hàng trải nghiệm tốt nhất.



CÁN BỘ NHÂN VIÊN

Tại NAVICO, con người là tài sản quý giá nhất.

- **Xây dựng môi trường làm việc bình đẳng,** năng động và hòa nhập - là nơi mỗi cá nhân có cơ hội phát triển và tỏa sáng.
- **Đầu tư mạnh mẽ cho nguồn nhân lực** với việc cung cấp các chương trình đào tạo bài bản, cập nhật kiến thức mới cho nhân viên, giúp nâng cao năng lực và kỹ năng chuyên môn.
- **Tạo điều kiện cho nhân viên phát triển tiềm năng,** khơi dậy đam mê và sáng tạo, hướng đến thành công trong sự nghiệp. các chương trình đào tạo bài bản, cập nhật kiến thức mới cho nhân viên, giúp nâng cao năng lực và kỹ năng chuyên môn.



BÁO CHÍ, TRUYỀN THÔNG

Cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty một cách kịp thời và minh bạch.

- NAVICO tin rằng, sự minh bạch trong thông tin là chìa khóa để xây dựng niềm tin với các cổ đông, nhà đầu tư và công chúng.



CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Phát triển kinh doanh luôn gắn liền với trách nhiệm cộng đồng.

- **Cam kết góp phần xây dựng một xã hội thịnh vượng,** nơi mọi người đều có cơ hội phát triển và hưởng một cuộc sống tốt đẹp.
- **Tăng cường việc làm cho người lao động,** góp phần phát triển kinh tế địa phương.



CHÍNH QUYỀN, CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Đồng hành cùng Chính phủ, kiến tạo tương lai Việt Nam

- **Tuân thủ nghiêm ngặt các chính sách, quy định của Nhà nước:** Hoạt động kinh doanh minh bạch, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, an toàn.
- **Đồng hành cùng các chương trình của Chính phủ:** Hỗ trợ các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

BÁO CÁO CÁC HOẠT ĐỘNG TIÊU BIỂU NĂM 2024

• THÔNG TIN CHUNG:

Chương trình Nghị sự 2030 về Phát triển Bền vững đóng vai trò như kim chỉ nam cho hành trình hướng đến một tương lai toàn diện và bền vững cho tất cả mọi người trên toàn cầu. Chương trình đặt ra 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) cần đạt được vào năm 2030, bao gồm xóa đói giảm nghèo, thúc đẩy giáo dục và sức khỏe, đảm bảo bình đẳng giới và giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách.

Tuy nhiên, để biến những mục tiêu đầy tham vọng này thành hiện thực vào năm 2030, đòi hỏi sự chung tay góp sức của tất cả mọi người, bao gồm cả các doanh nghiệp ở mọi quy mô trên toàn thế giới. Do đó, để đặt ra kế hoạch mang tính thực tế và thực thi hiệu quả, NAVICO đã lựa chọn ra cho mình một số tiêu chí tiêu biểu trong khung 17 tiêu chí trên để tập trung thực hiện.



SDG 17 - Hợp tác để hiện thực hóa các mục tiêu

- Tăng cường các phương tiện thực hiện các mục tiêu và củng cố quan hệ đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững.
- Xây dựng chiến lược bền vững và báo cáo về các hoạt động SDG một cách minh bạch và có trách nhiệm.

• Tháng 04/2025, Công ty Cổ phần Nam Việt (NAVICO) và Ngân hàng TNHH United Overseas Bank (Việt Nam) (UOB Việt Nam) đã ký kết Thỏa thuận Tín dụng Thương mại Xanh, đánh dấu cột mốc quan trọng trong hành trình phát triển bền vững của NAVICO.

• HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DỰA TRÊN 17 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LIÊN HIỆP QUỐC (SDGS)

KINH TẾ

SDG 8 - Việc làm bền vững và tăng trưởng kinh tế

- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, hiệu quả và dài hạn.
- Năm 2022, NAVICO vinh dự được nhận các giải thưởng của tỉnh An Giang trao tặng là “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.
- Năm 2023, NAVICO được vinh danh TOP 25 Thương hiệu công ty F&B hàng đầu do Forbes Việt Nam bình chọn.

- NAVICO lần đầu lọt top 50 Doanh nghiệp niêm yết tốt nhất 2023.
- Năm 2024, NAVICO nhận bằng khen của Cục thuế Tỉnh An Giang, đạt “thành tích thực hiện tốt chính sách, pháp luật thuế năm 2023”.
- Tháng 07 và tháng 12/2024, Ông Nguyễn Thành Ngôn (Tổng trưởng cơ khí - Công ty Cổ phần Nam Việt) lần lượt nhận được bằng khen “Lao động giỏi, lao động sáng tạo” của UBND tỉnh An Giang và bằng khen “Lao động sáng tạo trong phong trào thi đua yêu nước năm 2023” của Tổng liên đoàn Việt Nam.

SDG 9 - Công nghiệp, Đổi mới và Cơ sở hạ tầng

- Cải tiến đáng kể cho khu vực nuôi trồng bằng hệ thống đường nhựa hiện đại, khơi thông và tối ưu hóa di chuyển.
- Nắm bắt công nghệ tiên tiến, ứng dụng máy móc tự động vào quy trình sản xuất: máy cho cá ăn, máy đóng bao bì,...
- Nâng cao năng suất vượt bậc, tối ưu hóa nhân công, phân bổ nguồn lực hợp lý.

SDG 12 - Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm

- Đảm bảo mô hình SXKD và tiêu dùng bền vững, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Các nhà máy chế biến của NAVICO đều đã đạt được nhiều chứng nhận: ISO 9001: 2000, ISO 14001: 2004, ISO 17025, Global GAP, HACCP, IFS, BRC, GMP, HALAL.
- Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

SDG 10 - Giảm bất bình đẳng

- Tăng đa dạng giới, hòa nhập và chống phân biệt đối xử.
- Không có chênh lệch tỷ lệ thu nhập giữa nam và nữ.
- Gia tăng tỷ lệ phần trăm phụ nữ và các nhóm thiểu số giữ vị trí quan trọng trong bộ máy lãnh đạo.

XÃ HỘI

SDG 1 - Xóa nghèo

- Đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động, hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương.
- Trong năm 2024, NAVICO đã tạo việc làm cho 5.932 lao động với thu nhập bình quân đạt 10.000.000 đồng/người/tháng.
- Tháng 04/2024, NAVICO thăm hỏi và trao tặng cổ phiếu thưởng ESOP cho người lao động bệnh nặng không còn đi làm và gia đình của người lao động đã mất, trị giá 139.624.145 đồng.
- Tháng 07/2024, Thông qua Phường Mỹ Quý, NAVICO chi 7.000.000 đồng hỗ trợ sửa chữa nhà cho người dân có hoàn cảnh khó khăn góp phần ổn định cuộc sống.
- Đóng góp quỹ Xuân: NAVICO hàng năm đóng góp vào quỹ Xuân, hỗ trợ tài chính cho các gia đình khó khăn trong dịp Tết.

SDG 3 - Cuộc sống khỏe mạnh

- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn sức khỏe người tiêu dùng và an toàn cho cộng đồng.
- Tạo môi trường làm việc lành mạnh, cải thiện sức khỏe tinh thần cho người lao động.
- Cung cấp bảo hiểm y tế cho toàn bộ CBCNV, thực hành bền vững, nói không với bất bình đẳng.
- Năm 2024, NAVICO đạt chứng nhận “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” giai đoạn năm 2023 - 2024 và đạt giải khuyến khích tại hội thi tuyên truyền an toàn vệ sinh lao động trong các doanh nghiệp do Liên đoàn lao động tỉnh An Giang tổ chức.

SDG 2 - Xóa đói

- Nâng cao và đảm bảo bữa ăn của công nhân viên cung cấp đầy đủ dưỡng chất, góp phần nâng cao sức khỏe và thể trạng.
- Tham gia các chương trình hỗ trợ cộng đồng, giúp đỡ những người nghèo đói, thiếu ăn, đặc biệt là trẻ em.
- Đảm bảo quyền tiếp cận tư pháp bình đẳng cho tất cả mọi người và nói không với tham nhũng.
- Tôn trọng nhân quyền, chống phân biệt đối xử và luôn minh bạch với các bên liên quan.

SDG 16 - Hòa bình, Công bằng và Thể chế vững mạnh

MÔI TRƯỜNG

SDG 6 - Nước sạch và Vệ sinh

- Phát triển nguồn cung cấp nước sạch để đảm bảo an toàn cho sản xuất và sinh hoạt.
- Sử dụng nước hợp lý và tiết kiệm.
- Nước thải hoạt động sản xuất được xử lý 100% đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường.

SDG 7 - Năng lượng sạch và bền vững

- Đã có hơn 46 cụm hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái nhà được NAVICO đưa vào hoạt động, giúp tiết kiệm tối đa chi phí và bảo vệ môi trường.

SDG 13 - Hành động ứng phó với biến đổi khí hậu

- Đạt tiêu chuẩn ISO 14001:2015 - Tiêu chuẩn quốc tế về Quản lý môi trường.
- Sử dụng năng lượng xanh và tiết kiệm triệt để điện, nước, giấy trong sản xuất, sinh hoạt.

SDG 14 - Tài nguyên nước

- Cá bố mẹ và cá con đều được nuôi bằng phương pháp “Organic”.
- Hệ thống lọc nước xả thải 100% an toàn mang lại lợi ích kinh tế và góp phần bảo vệ môi trường, hướng đến phát triển bền vững.

SDG 4 - Chất lượng giáo dục

- Quỹ học bổng Khuyến tài Doãn Tới (Doãn Tới Foundation) với hàng nghìn suất học bổng trị giá trên 1 triệu USD tương đương 24.2 tỷ đồng hỗ trợ tài chính cho hơn 11.000 học sinh - sinh viên xuất sắc có hoàn cảnh khó khăn trên cả nước, giúp các em theo đuổi nguyện vọng được học tập.
- Trao thưởng hằng năm cho con em CBCNV có thành tích học tập xuất sắc, góp phần khuyến khích và thúc đẩy văn hóa học tập.

SDG 5 - Bình đẳng giới

- Xây dựng môi trường làm việc bình đẳng và hòa nhập, nơi mọi cá nhân đều có cơ hội phát triển và thành công bất kể giới tính.
- Tính đến năm 2024, HĐQT và BDH tại NAVICO đều có lãnh đạo là nữ giới.

SDG 15 - Tài nguyên đất

- Giảm thiểu tác động đến môi trường trong quá trình quy hoạch vùng nuôi và các hoạt động nuôi trồng thủy sản, kiểm soát ô nhiễm và xử lý, tái chế chất thải, tiết kiệm tài nguyên.

SDG 11 - Các thành phố và cộng đồng bền vững

- Giảm thiểu phát thải khí nhà kính và thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu.
- Quản lý hiệu quả các tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học.

BÁO CÁO CHI TIẾT

BÁO CÁO VỀ ĐÓNG GÓP KINH TẾ

• HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ:

Năm 2024, tình hình chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược gay gắt, xung đột leo thang ở Ukraine, Trung đông, Biển Đỏ, căng thẳng gia tăng ở bán đảo Triều Tiên và eo biển Đài Loan; giá xăng dầu, hàng hóa cơ bản, cước vận tải biển biến động mạnh; kinh tế, thương mại phục hồi chậm, thiếu vững chắc; đầu tư toàn cầu sụt giảm; tỷ giá, lãi suất biến động khó lường; thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh lương thực, an ninh mạng diễn biến phức tạp.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới khó khăn và có dấu hiệu suy thoái, nhiều doanh nghiệp phải cắt giảm lao động thậm chí ngưng hoạt động, có thể xem là năm khó khăn nhất của rất nhiều công ty, trong đó có Nam Việt.

Doanh thu năm 2024 là 4.911 tỷ đồng, đạt 110,64% so với năm 2023, lợi nhuận trước thuế đạt 78.5 tỷ đồng, đạt 121,73% so với năm 2023.

• CHỐNG THAM NHŨNG:

NAVICO đặt nền móng cho sự phát triển bền vững bằng việc xây dựng nền tảng quản trị vững chắc, tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế tiên tiến nhất.

Công ty đặc biệt coi trọng việc phòng ngừa tham nhũng và các hành vi phi đạo đức trong hoạt động kinh doanh. Để đảm bảo điều này, NAVICO đã thành lập “Phòng Thanh tra Giám sát” chuyên trách theo dõi, giám sát và xử lý kịp thời các nghi vấn hoặc vi phạm.

• TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP:

Trên hành trình chinh phục thị trường quốc tế, NAVICO đã tự hào mang sản phẩm Việt Nam đến với hơn 100 quốc gia trên toàn cầu. Thành công này không chỉ khẳng định vị thế thương hiệu uy tín mà còn góp phần thúc đẩy nền kinh tế nước nhà.

Không chỉ dừng lại ở việc tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, NAVICO còn tự hào mang đến cơ hội việc làm ổn định cho gần 6.000 người lao động, góp phần cải thiện đời sống và nâng cao thu nhập cho người dân địa phương. Nhờ vậy, NAVICO đã và đang đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của quê hương.

Với tinh thần trách nhiệm cao, NAVICO luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về nghĩa vụ nộp thuế. Trong giai đoạn 2020 - 2022, tổng số tiền nộp ngân sách nhà nước của NAVICO đạt 168 tỷ đồng. **Năm 2024, NAVICO nhận bằng khen của Cục thuế Tỉnh An Giang, đạt “thành tích thực hiện tốt chính sách, pháp luật thuế năm 2023”.**

NAVICO - niềm tự hào của Việt Nam, là minh chứng cho sự nỗ lực không ngừng nghỉ và tinh thần trách nhiệm cao của doanh nghiệp đối với cộng đồng.

• CAM KẾT CỦA NAVICO:

• Tuân thủ pháp luật: Tất cả nhân viên NAVICO, bất kể phòng ban hay cấp bậc nào, đều tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật.

• Ngăn chặn xung đột lợi ích: NAVICO xây dựng môi trường làm việc minh bạch, đề cao đạo đức nghề nghiệp, ngăn chặn triệt để mọi xung đột lợi ích.

• Duy trì đạo đức kinh doanh ở mức cao nhất: NAVICO cam kết luôn hành động trung thực, minh bạch và có trách nhiệm trong mọi hoạt động kinh doanh.

Nhờ nền tảng quản trị vững chắc và cam kết đạo đức kinh doanh hàng đầu, NAVICO đã và đang khẳng định vị thế là doanh nghiệp uy tín, tin cậy trên thị trường.



BÁO CÁO CHÍNH SÁCH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

• TỔNG QUAN LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG:

Trong bối cảnh kinh tế thế giới đầy rẫy những thách thức, nhiều doanh nghiệp buộc phải thu hẹp hoạt động, thậm chí cắt giảm nhân sự, Nam Việt lại nổi lên như một điểm sáng, là điểm tựa vững vàng cho người lao động. Với tổng số 5.932 cán bộ nhân viên và mức thu nhập bình quân 10.000.000 đồng/người/tháng, NAVICO đã khẳng định vị thế của một doanh nghiệp uy tín, đặt giá trị con người lên hàng đầu.

• CHÍNH SÁCH ĐÃ NGỘ DÀNH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Công ty áp dụng chính sách tiền lương và khen thưởng cho cán bộ công nhân viên theo đúng quy định pháp luật và quy chế lương thưởng của công ty dựa trên các cơ sở về hiệu quả công việc của từng người, theo mức độ hoàn thành kế hoạch sản xuất và lợi nhuận của công ty.

Công ty còn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ và các hoạt động tinh thần khác do Công đoàn, Các tổ chức đoàn thể ở địa phương tổ chức nhân các ngày lễ, các dịp kỷ niệm trong năm như: Quốc tế Phụ nữ, Quốc tế thiếu nhi, Ngày thành lập Công ty, năm mới,...

• CÁC CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI KHÁC:

• Thưởng các dịp Lễ, lương tháng 13

• Các khoản trợ cấp khác: Trợ cấp khó khăn, trợ cấp tang chế

• Tổ chức du lịch để nâng cao tinh đoàn kết, gắn bó với công ty

• Thưởng cho con CBCNV có thành tích học tập tốt

• Tặng cổ phiếu thưởng ESOP 1:1 cho CBCNV có nhiều đóng góp cho Tập đoàn từ tháng dư. ESOP không chỉ phát cho Ban Lãnh Đạo mà ngay cả đội ngũ công nhân nhà máy có thâm niên hoặc những trường hợp đặc biệt không còn công tác tại tập đoàn (như bị tai nạn lao động, mất sức lao động, bệnh hiểm nghèo,...) cũng được nhận. Việc này cũng một phần thể hiện được tinh thần tri ân của Ban Lãnh Đạo đối với tập thể nhân viên, cũng như ý nghĩa nhân văn mà Tổng Giám Đốc - ông Doãn Tới, mong muốn xây dựng và lan tỏa cho các thế hệ.



BÁO CÁO VỀ TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG

• QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN LIỆU:

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm 2024:

- Giấy đóng thùng: 5.484.792 kg
- Hạt nhựa: 952.900 kg

Tỷ lệ % nguyên vật liệu tái chế được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm chính của tổ chức trong năm: 5,45% (tương đương 52.000 kg/952.900 kg)

• TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG:

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

STT	Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	Số lượng
1.	Điện (Kwh)	135.564.730
2.	Gas (kg)	31.630

Trong năm 2024, Công ty đã liên tục triển khai các chính sách tiết kiệm năng lượng, bao gồm việc giảm tiêu thụ điện, xăng và dầu. Mục tiêu của việc này không chỉ là để giảm chi phí mà còn để bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên quốc gia. Các biện pháp tiết kiệm năng lượng đã được Công ty thực hiện bao gồm:

- Sử dụng một số thiết bị tiết kiệm năng lượng tại văn phòng, xí nghiệp.
- Sử dụng bóng đèn LED.
- Quán triệt, xây dựng cho nhân viên, cán bộ, người lao động thói quen tiết kiệm điện.
- Hạn chế sử dụng điện giờ cao điểm.

• TIÊU THỤ NƯỚC:

• Với đặc thù hoạt động của mình, Công ty tiêu thụ một lượng lớn nước trong các quy trình như nuôi trồng cá tra, sản xuất và chế biến các sản phẩm chính, trong quá trình sản xuất thức ăn cho cá và sinh hoạt hàng ngày.

• Song song với chính sách tiết kiệm năng lượng, Công ty cũng có các hoạt động, chính sách tiết kiệm nguồn nước sử dụng. Nguồn cung cấp nước chủ yếu của công ty là từ nguồn nước giếng. Lượng nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt của Công ty trung bình là 1.450 m³/ngày. Trước khi thải ra môi trường đều thông qua hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn.

• Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Trong năm Công ty không vi phạm luật và các quy định về môi trường.

BÁO CÁO VỀ ĐÓNG GÓP CHO CỘNG ĐỒNG – XÃ HỘI

NAVICO hằng năm luôn có các hoạt động để đóng góp cho cộng đồng xã hội. Ngoài các hoạt động đóng góp sức lực trực tiếp cho việc giữ gìn cộng đồng xã hội, Công ty còn hỗ trợ tài chính cho cộng đồng địa phương.

Những năm qua, Công ty đã có những đóng góp tài chính về:

- Công ty đóng góp quỹ mùa xuân.
- Công ty đóng góp quỹ công tác xã hội từ thiện.
- Đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa.
- Đóng góp quỹ khuyến tài (do gia đình Tổng Giám đốc tài trợ).

STT	Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	Số lượng
1.	Đóng góp vào quỹ phòng, chống thiên tai	283.658.102
2.	Đóng góp quỹ khuyến học xã Bình Phú, xã Nhơn Mỹ	35.000.000
3.	Đóng góp nâng cấp cầu đường giao thông nông thôn xã Vĩnh Phú	5.000.000
4.	Hỗ trợ làm đường dẫn cầu tạm thi công kênh 12, cuộc đường ranh chung	157.000.000
5.	Hỗ trợ bắn pháo hoa, vui xuân đón Tết	51.027.000
6.	Hỗ trợ bếp ăn CA P. Mỹ Quý	23.000.000
7.	Hỗ trợ bếp ăn CA P. Thới Thuận	24.000.000
8.	Hỗ trợ kinh phí cất nhà tình thương cho lực lượng khó khăn P. Mỹ Quý	7.000.000
9.	Ủng hộ chi phí cho UBND xã Vĩnh Phú “Lễ bàn giao nhà Tình đồng đội”	5.000.000
10.	Hỗ trợ đối tượng nhiễm chất độc da cam/dioxin TP Long Xuyên	5.000.000
11.	Hỗ trợ đánh giá tác động xã hội tại Việt Nam	4.400.000
12.	Hỗ trợ quỹ “Cây mùa xuân” và quà tết cho hộ nghèo, cận nghèo	10.000.000
13.	Ủng hộ Tết vì người nghèo mừng xuân Giáp Thìn năm 2024 xã Bình Phú	15.000.000
14.	Ủng hộ chương trình vận động tái thả cá tái tạo nguồn lợi Thủy sản	3.000.000
Tổng cộng		628.085.102



CÁC HOẠT ĐỘNG VÀ SỰ KIỆN TIÊU BIỂU



NAVICO DẪN ĐẦU NGÀNH THỦY SẢN BỀN VỮNG VỚI
HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC CÙNG UOB VIỆT NAM:

Ngày 4/4/2025, Công ty Cổ phần Nam Việt và Ngân hàng TNHH United Overseas Bank (Việt Nam) đã ký kết Thỏa thuận Tín dụng Thương mại Xanh, đánh dấu cột mốc quan trọng trong hành trình phát triển bền vững của NAVICO. Với khoản tín dụng thương mại xanh từ UOB Việt Nam, NAVICO sẽ tiếp tục tái đầu tư mạnh vào công nghệ sản xuất tiên tiến, tối ưu hóa chuỗi cung ứng theo hướng hiện đại, khoa học và hiệu quả để nâng cao năng lực cạnh tranh và khẳng định vị thế trên trường quốc tế. Đồng thời, NAVICO sẽ tận dụng nguồn vốn này để tiếp cận các sáng kiến mới, đón đầu xu hướng xanh như kinh tế tuần hoàn, tiết kiệm tài nguyên, chuyển đổi năng lượng sạch để tuân thủ các chính sách Phát triển bền vững cũng như rút ngắn lộ trình tiến tới Net Zero Carbon.



• TẾT TRỒNG CÂY TỈNH AN GIANG
NĂM 2025:

Tháng 02/2025, Ông Doãn Tới - đại diện NAVICO tham dự Lễ phát động “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” - trồng cây để phòng, chống sạt lở kênh, đê tỉnh An Giang năm 2025 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang long trọng tổ chức.



Hằng năm, “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” đã trở thành truyền thống, tập quán, một nét đẹp văn hóa, một phong trào quần chúng sâu rộng mang lại lợi ích to lớn cho đất nước. Trồng cây gây rừng đã góp phần bảo vệ và cải tạo môi trường sinh thái, cải thiện cảnh quan, chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.





• TRAO CỔ PHIẾU THƯỞNG ESOP CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Tháng 04/2024, NAVICO thăm hỏi và trao tặng cổ phiếu thưởng ESOP trị giá 139.624.145 đồng cho người lao động bệnh nặng không còn đi làm và gia đình của người lao động đã mất.

Theo chia sẻ từ Chủ tịch Tập đoàn Nam Việt (NAVICO) - Ông Doãn Tới, Cổ phiếu thưởng ESOP là chương trình thường niên, được phát hành và trao tặng với mục đích ghi nhận sự gắn bó lâu dài và những đóng góp không ngừng của CBCNV cho Tập đoàn. Ngoài ra ESOP còn dành tặng cho các trường hợp đặt biệt đã nghỉ việc do mất sức lao động, qua đời, bệnh nặng,... để đề cao và lan tỏa tính nhân văn cho các thế hệ.

• CHƯƠNG TRÌNH TRI ÂN ĐỐI TÁC “XÂY NIỀM TIN - DỰNG TƯƠNG LAI”:

Diễn ra vào ngày 07/07/2024 tại Long Xuyên, An Giang, sự kiện được tổ chức bởi NAVICO như một lời tri ân sâu sắc từ Ban lãnh đạo dành cho hơn 100 hộ nông dân hợp tác nuôi cá - những người đã đồng hành cùng Tập đoàn trong suốt chặng đường dài phát triển. Đây là dịp để các bên cùng nhìn lại hành trình đã qua, chia sẻ những khó khăn, thành tựu và vun đắp cho mối quan hệ hợp tác ngày càng bền chặt hơn nữa.

Trong buổi tọa đàm, đại diện các hộ nuôi đã xúc động chia sẻ về hành trình gian nan từ những ngày đầu lập nghiệp. Nhưng nhờ sự tư vấn về vốn, hỗ trợ kỹ thuật và cam kết bao tiêu đầu ra từ NAVICO, các hộ nuôi cá từng bước hiện đại hoá quy trình, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm, góp phần cùng Doanh nghiệp mang thương hiệu cá tra Việt Nam phát triển mạnh mẽ trên trường quốc tế.



• HỌC BỔNG KHUYẾN TÀI DOÃN TỚI - AN GIANG:

Ngày 22/12/2024, Hội Khuyến học tỉnh phối hợp với Trường Đại học An Giang tổ chức Lễ trao học bổng khuyến tài Doãn Tới tỉnh An Giang năm học 2024 - 2025.

Tại buổi lễ, Công ty Cổ phần Nam Việt đã trao 140 suất (trị giá mỗi suất 5 triệu đồng) cho sinh viên có thành tích Xuất sắc và Giỏi đang học tập tại các trường đại học trong và ngoài tỉnh với tổng số tiền 700 triệu đồng.

17 năm thành lập, học bổng này đã trao cho gần 7.000 học sinh, sinh viên, trong đó trên 90% sinh viên ra trường có việc làm ổn định. Tổng số tiền đã trao cho sinh viên đến nay là 3.3 tỷ đồng. Hiện, số vốn gốc vẫn còn được gửi trong ngân hàng để hàng năm lấy lãi, phát cho học sinh.





• **GIẢI THƯỞNG VÀ CHỨNG NHẬN CỦA LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH AN GIANG:**



• **GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO:**

Ngoài những chính sách đãi ngộ, NAVICO đặc biệt quan tâm đến hoạt động đào tạo huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động. Trong năm qua, Công ty đã nghiêm túc thực hiện theo quy định tại Điều 19, Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết về một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.



Cụ thể:

Nhóm	Đối tượng tham gia đào tạo	Số giờ đào tạo
1.	Người quản lý phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động	Ít nhất 16 giờ
2.	Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động	Ít nhất 48 giờ
3.	Người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động	Ít nhất 24 giờ
4.	Người lao động không thuộc các nhóm 1, 2, 3 và 5, bao gồm cả người học nghề, tập nghề, thử việc để làm việc cho người sử dụng lao động.	Ít nhất 16 giờ
5.	Người làm công tác y tế.	Ít nhất 56 giờ
6.	An toàn, vệ sinh viên	Ít nhất 4 giờ



Trong năm 2024 vừa qua, NAVICO tích cực tham gia các hội chợ thủy sản lớn trong khu vực như Việt Nam, Boston, Thanh đảo, Barcelona, Mexico... để mở rộng tệp khách hàng tiềm năng, học hỏi giao lưu với các doanh nghiệp Thủy sản lớn Quốc tế cũng như tạo hoạt động gắn kết với các khách hàng lâu năm hiện có.



HỘI CHỢ THANH ĐẢO



HỘI CHỢ BOSTON



HỘI CHỢ VIETFISH



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

• PHÁT TRIỂN XÃ HỘI VÀ ĐẦU TƯ GIÁO DỤC

Phát triển bền vững là chìa khóa cho một tương lai tốt đẹp hơn, hướng đến sự cân bằng hài hòa giữa kinh tế, xã hội và môi trường. Trong đó, phát triển xã hội và đầu tư giáo dục đóng vai trò nền tảng, góp phần xây dựng cộng đồng thịnh vượng và nâng cao chất lượng cuộc sống con người.

• THỰC HIỆN MINH BẠCH GIỜ CÔNG, TIỀN LƯƠNG, CÁC CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI XÃ HỘI:

- Minh bạch thông tin: Công khai rõ ràng giờ làm việc, mức lương, chế độ phúc lợi xã hội cho người lao động. Tạo dựng lòng tin, sự hài lòng và gắn kết của nhân viên với doanh nghiệp.
- Công bằng trong phân phối: Đảm bảo mức lương, chế độ phúc lợi được phân phối công bằng dựa trên năng lực, hiệu quả công việc và đóng góp của người lao động.
- Hỗ trợ đời sống: Cung cấp các chế độ phúc lợi xã hội hợp lý như bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, hỗ trợ nhà ở, học bổng,... giúp người lao động an tâm công tác và nâng cao chất lượng cuộc sống.

• ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG:

- Tuân thủ luật lao động: Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về lao động, đảm bảo quyền lợi cơ bản của người lao động như quyền nghỉ phép, quyền tham gia công đoàn,...
- Tạo môi trường làm việc an toàn: Đảm bảo môi trường làm việc an toàn, vệ sinh, phù hợp với điều kiện sức khỏe của người lao động.
- Lắng nghe và giải quyết khiếu nại: Thiết lập kênh giao tiếp hiệu quả để lắng nghe, tiếp thu ý kiến và giải quyết khiếu nại của người lao động một cách thấu đáo, công bằng.
- Chăm sóc sức khỏe: Cung cấp các chương trình chăm sóc sức khỏe định kỳ cho người lao động, hỗ trợ điều trị khi gặp vấn đề sức khỏe liên quan đến công việc.
- Nâng cao nhận thức: Tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục, nâng cao nhận thức về an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động.
- Nâng cao trình độ chuyên môn: Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

• TÍCH CỰC ĐÓNG GÓP CHO XÃ HỘI:

- Tham gia tích cực vào các hoạt động cộng đồng, tổ chức nhiều chương trình từ thiện, thực thi trọn vẹn trách nhiệm xã hội của một doanh nghiệp tiên phong.
- Mở rộng các quỹ khuyến tài, khuyến học, kêu gọi thêm mạnh thường quân đóng góp nhằm tăng cơ hội các bạn trẻ ham học có hoàn cảnh khó khăn nhận được hỗ trợ để tiếp tục đến trường.

• BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

- Tiếp tục áp dụng quy trình và công nghệ thân thiện với môi trường trong quá trình sản xuất; tạo môi trường làm việc an toàn và thân thiện với mức trường; nghiên cứu, phát triển và áp dụng công nghệ mới nhằm tối ưu hóa hiệu suất và giảm lượng chất thải; sử dụng tài nguyên hợp lý và bền vững, đồng thời không ngừng tìm kiếm các phương án tái chế, tái sử dụng và nguồn tài nguyên thay thế.
- Tuân thủ tuyệt đối các quy định pháp luật về môi trường và thực hiện kiểm soát chặt chẽ khâu xử lý chất thải nhằm hạn chế tối đa tác động đến môi trường.
- Triển khai các chương trình giáo dục và hoạt động cộng đồng nhằm tăng cường ý thức về bảo vệ môi trường; liên kết với các tổ chức, cộng đồng để đóng góp vào các dự án bảo vệ môi trường.

• QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Nâng tầm quản trị - NAVICO hướng đến chuẩn mực quốc tế

NAVICO cam kết nâng tầm quản trị thông qua các chiến lược trọng tâm:



Nâng cao hiệu quả quản trị:

- Điều hành quản trị minh bạch, chuyên nghiệp, hiệu quả: Xây dựng hệ thống quản trị minh bạch, công khai thông tin; áp dụng các quy trình, thủ tục quản lý khoa học, hợp lý; nâng cao hiệu quả ra quyết định và thực thi.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào quản trị Công ty: Ứng dụng các phần mềm quản trị tiên tiến, hệ thống dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo,... để nâng cao hiệu quả quản trị và vận hành doanh nghiệp.
- Với những chiến lược trên, NAVICO cam kết sẽ không ngừng nâng cao hiệu quả quản trị, hướng đến chuẩn mực quốc tế, góp phần tạo dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.



Hoàn thiện cơ cấu quản trị:

- Xây dựng và hoàn thiện cơ cấu quản trị theo hướng ngày càng vững mạnh, tiệm cận các chuẩn mực quốc tế.
- Tăng cường hiệu quả hoạt động của các ban lãnh đạo, ban quản lý và các phòng ban chức năng.
- Nâng cao năng lực quản trị cho đội ngũ cán bộ nhân viên.



Nâng cao kiến thức và kỹ năng quản trị:

- Tổ chức thường xuyên các chương trình đào tạo chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp cho cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp.
- Gửi cán bộ đi tham gia các khóa học quản trị uy tín trong và ngoài nước.
- Áp dụng các phương pháp quản trị tiên tiến vào thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp.



CHƯƠNG 06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600168736, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 19 tháng 11 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.



TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

Điện thoại: (84-296) 3834060

Fax: (84-296) 3834054

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau đây đều đặt tại Lô A4, Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ:

- Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Đại Tây Dương N.V – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt
- Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Ấn Độ Dương N.V – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt
- Nhà máy Dầu cá Bột cá Ấn Độ Dương - Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt

- Nuôi cá;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Sản xuất dầu Bio-diesel;
- Chế biến dầu cá và bột cá;
- Mua bán cá, thủy sản;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Khai thác khoáng sản: Crômit, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (Sắt, đồng, chì, kẽm);
- Sản xuất và mua bán phân bón;
- Bán buôn hóa chất;
- Sản xuất, chế biến và mua bán thức ăn thủy sản;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất và bán buôn thuốc thú y, thủy sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất điện năng lượng mặt trời;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Sản xuất keo Gelatin và Glycerin (nguyên liệu để sản xuất vỏ con nhộng chứa thuốc);
- Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cho thuê nhà, đất không phải để ở như văn phòng, cửa hàng, trung tâm thương mại, nhà xưởng sản xuất, khu triển lãm và nhà kho.



TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp pháp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

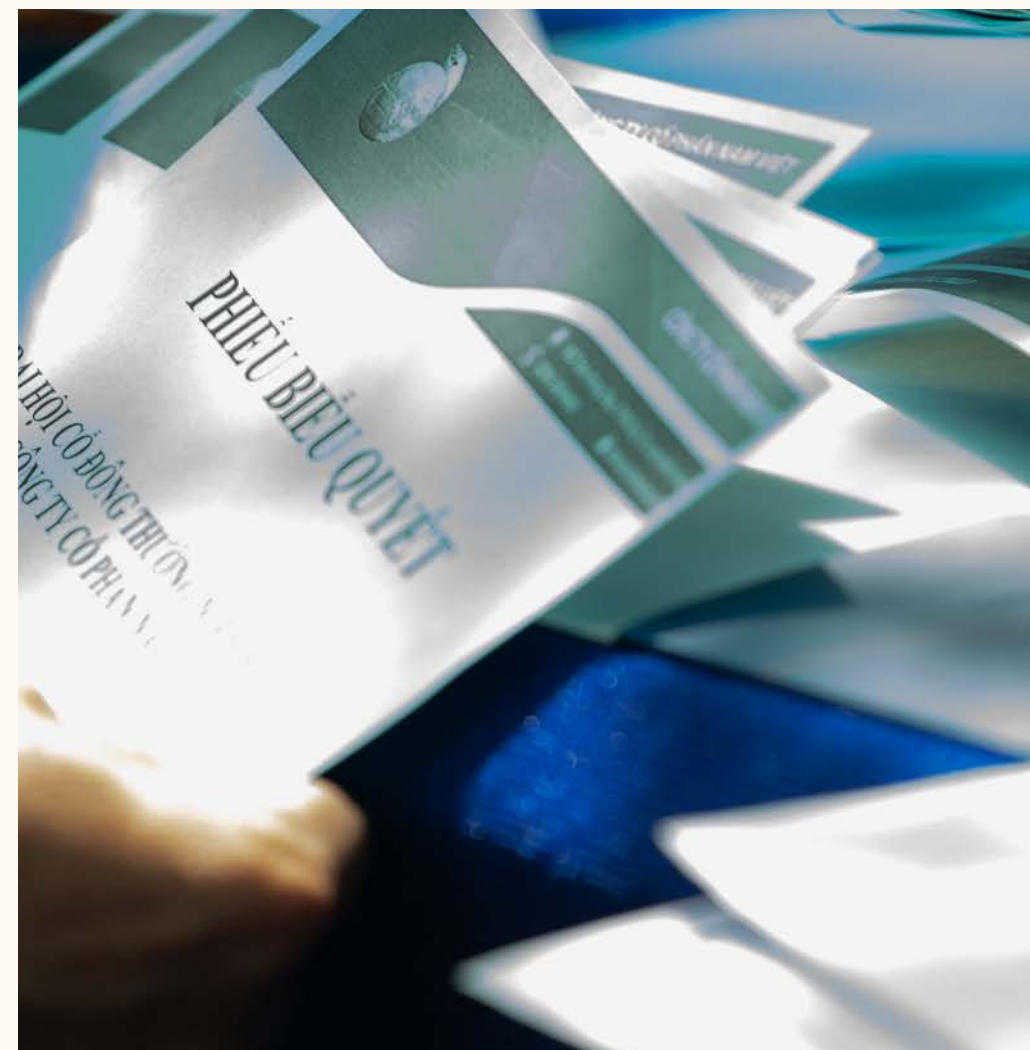
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty cổ phần Nam Việt

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

• TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

For and on behalf of the Board of Management,

CHỦ TỊCH
Đỗ Lập Nghiệp
Date: 28 March 2025

• TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN:

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

• Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hoàng Thái Vượng
Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1
Người được ủy quyền
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Phan Vũ Công Bá
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0197-2023-008-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm (Đơn vị tính: VNĐ)	Số đầu năm (Đơn vị tính: VNĐ)
(A)	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.585.543.414.472	2.950.604.371.240
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	219.090.199.195	39.671.072.278
1.	Tiền	111		53.490.199.195	33.121.072.278
2.	Các khoản tương đương tiền	112		165.600.000.000	6.550.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		56.058.725.174	71.923.630.137
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	56.058.725.174	71.923.630.137
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		551.733.574.259	369.116.043.577
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	517.702.281.862	358.877.524.257
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	47.959.359.882	20.532.918.897
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	234.718.093	1.000.000.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	27.278.200.658	28.323.670.962
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(44.138.865.762)	(42.315.950.065)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	138		2.697.879.526	2.697.879.526
IV.	Hàng tồn kho	140		1.653.282.219.581	2.346.798.785.910
1.	Hàng tồn kho	141	V.8	1.683.573.590.902	2.363.664.839.934
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(30.291.371.321)	(16.866.054.024)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		105.378.696.263	123.094.839.338
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	30.128.189.519	20.786.484.002
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		75.250.506.744	102.308.355.336
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm (Đơn vị tính: VNĐ)	Số đầu năm (Đơn vị tính: VNĐ)
(B)	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	110,64% 2.276.727.103.433	2.162.065.751.899
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210	67.348.629.277	32.632.443.257
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214	-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b 38.300.000	461.795.593
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.6b 67.310.329.277	32.170.647.664
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-
II.	Tài sản cố định	220	1.073.395.596.112	1.031.788.418.453
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10 311.948.526.359	324.927.270.134
-	Nguyên giá	222	1.453.709.267.825	1.476.855.424.151
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223	(1.141.760.741.466)	(1.151.928.154.017)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11 421.782.092.255	360.415.020.182
-	Nguyên giá	225	521.881.145.505	427.728.087.319
-	Giá trị hao mòn lũy kế	226	(100.099.053.250)	(67.313.067.137)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.12 339.664.977.498	346.446.126.137
-	Nguyên giá	228	375.235.022.868	375.481.151.250
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229	(35.570.045.370)	(29.035.023.113)
III.	Bất động sản đầu tư	230	-	-
-	Nguyên giá	231	-	-
-	Giá trị hao mòn lũy kế	232	-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	974.419.923.154	918.169.485.953
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13 974.419.923.154	918.169.485.953
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	67.794.651.510	71.816.442.593
1.	Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b 60.892.542.473	64.978.217.413
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c 20.304.000.000	20.304.000.000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c (13.401.890.963)	(13.465.774.820)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260	93.768.303.380	107.658.961.643
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b 86.306.890.066	95.920.727.945
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14 7.461.413.314	11.738.233.698

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm (Đơn vị tính: VNĐ)	Số đầu năm (Đơn vị tính: VNĐ)
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268	-	-
5.	Lợi thế thương mại	269	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.862.270.517.905	5.112.670.123.139

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm (Đơn vị tính: VNĐ)	Số đầu năm (Đơn vị tính: VNĐ)
(C)	NỢ PHẢI TRẢ	300	2.065.576.691.636	2.296.944.533.017
I.	Nợ ngắn hạn	310	1.940.622.788.571	2.135.254.725.248
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15 150.196.745.195	173.346.839.689
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16 33.112.132.226	9.980.557.401
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17 30.002.116.119	60.065.124.556
4.	Phải trả người lao động	314	V.18 49.539.215.353	35.021.252.723
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19 17.156.150.464	8.219.155.562
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	1.537.890.276	1.404.669.966
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20 34.132.742.479	63.115.761.649
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a 1.624.469.317.154	1.783.706.884.397
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22 476.479.305	394.479.305
13.	Quỹ bình ổn giá	323	-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	-	-
II.	Nợ dài hạn	330	124.953.903.065	161.689.809.769
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.23 12.582.066.570	13.566.168.490
7.	Phải trả dài hạn khác	337	-	2.341.000.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b 110.561.009.109	144.866.433.063
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339	-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340	-	-

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm (Đơn vị tính: VNĐ)	Số đầu năm (Đơn vị tính: VNĐ)
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24	1.810.827.386	916.206.216
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm (Đơn vị tính: VNĐ)	Số đầu năm (Đơn vị tính: VNĐ)
(C) VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.796.693.826.269	2.815.725.590.122
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.796.693.826.269	2.815.725.590.122
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25	2.666.675.000.000	1.335.396.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.666.675.000.000	1.335.396.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	21.489.209.100	21.489.209.100
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.25	(27.587.629.848)	(27.587.629.848)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.25	136.117.247.017	1.486.427.760.870
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		88.585.073.370	1.486.427.760.870
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		47.532.173.647	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.862.270.517.905	5.112.670.123.139


Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng/Người lập


TP. Long Xuyên, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.939.111.900.770	4.461.787.494.846
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	27.845.927.857	22.664.861.966
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.911.265.972.913	4.439.122.632.880
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	4.350.893.868.111	3.991.672.291.149
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		560.372.104.802	447.450.341.731
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	32.616.939.987	32.100.008.584
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	103.483.384.141	164.570.703.519
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		91.346.541.557	137.293.023.317
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	(4.085.674.940)	(4.023.233.887)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	280.323.845.208	188.416.893.163
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	85.814.451.161	75.715.825.411
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		119.281.689.339	46.823.694.335
12. Thu nhập khác	31	VI.8	15.229.153.460	20.002.753.189
13. Chi phí khác	32	VI.9	55.997.256.641	2.329.412.280
14. Lợi nhuận khác	40		(40.768.103.181)	17.673.340.909
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		78.513.586.158	64.497.035.244
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	25.509.970.957	23.723.017.431
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14, V.24	5.171.441.554	4.749.660.477
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		47.832.173.647	36.024.357.336
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		47.832.173.647	36.024.357.336
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	179	134
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	179	134


Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng/Người lập


TP. Long Xuyên, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	M ã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		78.513.586.158	64.497.035.244
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12	117.193.982.583	114.534.603.014
- Các khoản dự phòng	03	V.2c, V.7, V.8	20.591.695.781	14.955.019.104
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	(2.037.461.303)	2.564.314.953
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2b, VI.4, VI.8	(4.019.590.289)	(13.707.179.496)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	91.346.541.557	137.293.023.317
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		301.588.754.487	320.136.816.136
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(173.206.171.645)	3.140.756.926
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		680.091.249.032	(21.785.448.028)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		65.444.718.352	(114.430.581.799)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		272.132.362	9.002.086.630
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, V.20a, VI.5	(92.533.025.443)	(164.116.001.871)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(53.040.181.419)	(113.448.106.883)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(218.000.000)	(205.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		728.399.475.726	(81.705.978.889)


Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng/Người lập


TP. Long Xuyên, ngày 28 tháng 3 năm 2025
CÔNG TY CP NAM VIỆT
TP. LONG XUYỀN - T. AN GIANG
Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

Chỉ tiêu	M ã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.12, V.13, VII	(160.728.874.784)	(44.348.474.940)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, V.12, VI.8	29.366.138.076	150.180.297.267
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(88.473.954.610)	(217.183.630.137)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		105.527.637.073	505.386.287.059
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6a, VI.4	3.356.215.192	22.211.847.122
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(110.952.839.053)	416.246.326.371
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	60.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	4.181.758.416.331	4.527.148.192.187
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(4.380.565.057.550)	(4.567.390.551.535)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.21	(131.423.355.485)	(127.075.554.772)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20, V.25	(108.135.816.893)	(218.556.413.606)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(438.365.813.597)	(325.874.327.726)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		179.080.823.076	8.666.019.756
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	39.671.072.278	31.053.714.794
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		338.303.841	(48.662.272)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	219.090.199.195	39.671.072.278


Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng/Người lập

TP. Long Xuyên, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.
2.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, chế biến và thương mại.
3.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản; Sản xuất thức ăn thủy sản; Sản xuất điện năng lượng mặt trời; Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình.
4.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
5.

Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Cuối năm 2024 tình hình kinh tế có dấu hiệu phục hồi, làm cho doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn tăng nhẹ so với năm trước.
6.

Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 07 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ (đầu năm có 08 công ty con). Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	KCN Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ.	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm.	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Nam Việt Bình Phú	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.	Nuôi trồng thủy sản nội địa.	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Phân bón hữu cơ Nam Việt	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.	Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.	Sản xuất điện năng lượng mặt trời.	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.	Sản xuất điện năng lượng mặt trời.	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.	Sản xuất điện năng lượng mặt trời.	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Chế biến thức ăn Thủy sản Nam Việt	Lô A4 KCN Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ.	Sản xuất thức ăn thủy sản	100%	100%	100%	100%

- 6b.

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là Công ty TNHH Amicogen Nam Việt có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là chiết xuất và sản xuất collagen, gelatin thủy phân dùng cho dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là 50%.

7.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.
- navicorp.com.vn
- 105

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. CƠ SỞ HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi

phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÁC KHOẢN CHO VAY

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh

theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế

toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

• Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

• Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

• Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

• Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

• Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

• Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa và khoản lỗ của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng số vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG CỤ, DỤNG CỤ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

KHOẢN LỖ CỦA TÀI SẢN CỐ ĐỊNH BÁN VÀ THUÊ LẠI LÀ THUÊ TÀI CHÍNH

Khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định trong trường hợp bán và thuê lại là thuê tài chính được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê lại tài sản.

9. TÀI SẢN THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 18

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm

TIỀN THUÊ ĐẤT

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

CHI PHÍ SỬA CHỮA

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí liên quan đến việc sửa chữa nhà xưởng, máy móc thiết bị. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Loại tài sản cố định	Số năm
Máy móc và thiết bị	05 - 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

CHƯƠNG TRÌNH PHẦN MỀM MÁY TÍNH

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến

thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 06 năm.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

• Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

• Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

• Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

CỔ PHIẾU QUỸ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

17. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được Hội đồng quản trị thông báo chia cổ tức.

18. GHI NHẬN DOANH THU VÀ THU NHẬP

DOANH THU BÁN HÀNG HOÁ, THÀNH PHẨM

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.

• Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

• Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

• Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

DOANH THU BÁN ĐIỆN

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận chỉ số điện giữa Công ty và Điện lực.

TIỀN LÃI

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

19. HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn đã tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh. Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

• Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

• Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

• Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

• Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CỔ TỨC VÀ LỢI NHUẬN ĐƯỢC CHIA

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản hàng bán giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

21. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. CÁC KHOẢN CHI PHÍ

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho

tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm

tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

24. BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	397.752.286	325.497.293
Tiền gửi ngân hàng	53.092.446.909	32.795.574.985
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	165.600.000.000	6.550.000.000
Cộng	219.090.199.195	39.671.072.278

Các khoản tương đương tiền có giá trị 1.000.000.000 VND (số đầu năm là 6.550.000.000 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam (xem thuyết minh V.21a).

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng.

Khoản tiền gửi ngân hàng với số tiền là 53.858.725.174 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng United Overseas Bank, Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikorn Bank, Ngân hàng Malayan Banking Berhad, Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam, Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited (xem thuyết minh số V.21) và thực hiện hợp đồng với Điện Lực Châu Phú.

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc	69.240.000.000	69.240.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(8.347.457.527)	(4.261.782.587)
Cộng	60.892.542.473	64.978.217.413

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã đầu tư 69.240.000.000 VND tương đương 50% vốn điều lệ vào Công ty TNHH Amicogen Nam Việt.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	64.978.217.413	69.001.451.300
Phần lãi hoặc lỗ trong năm	(4.085.674.940)	(4.023.233.887)
Số cuối năm	60.892.542.473	64.978.217.413

Tình hình hoạt động của công ty liên doanh

Công ty TNHH Amicogen Nam Việt hoạt động bình thường.

Giao dịch với công ty liên doanh

Trong năm, Tập đoàn phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Amicogen Nam Việt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thi công công trình	-	5.813.840.604
Doanh thu cho thuê	248.740.744	378.837.714
Doanh thu bán thành phẩm	10.845.309.000	13.910.947.900
Doanh thu khác	-	16.596.160
Mua nguyên vật liệu	1.306.980.268	636.650.944
Chi phí lò hơi	487.593.238	-

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tập đoàn đầu tư 2.030.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa, chiếm tỷ lệ 5,08% vốn điều lệ của công ty này.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	13.465.774.820	13.152.128.363
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(63.883.857)	313.646.457
Số cuối năm	13.401.890.963	13.465.774.820

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	3.655.519.681	7.432.565.138
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	3.180.129.815	6.885.852.188
Công ty TNHH Đại Tây Dương	475.389.866	546.712.950
Phải thu các khách hàng khác	514.046.762.181	351.444.959.119
Các khách hàng nước ngoài	436.920.041.958	303.041.043.225
Các khách hàng trong nước	77.126.720.223	48.403.915.894
Cộng	517.702.281.862	358.877.524.257

Khoản phải thu có giá trị 180.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (xem thuyết minh số V.20a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp nước ngoài	1.673.934.815	479.841.150
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	23.879.273.651	1.098.425.939
Các nhà cung cấp trong nước khác	22.406.151.416	18.954.651.808
Cộng	47.959.359.882	20.532.918.897

5. Phải thu về cho vay

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho Bà Nguyễn Thị Minh Thành vay	-	1.000.000.000
Cho Ông Nguyễn Văn Thóc vay	234.718.093	-
Cộng	234.718.093	1.000.000.000

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho Ông Nguyễn Văn Thóc vay	-	461.795.593
Cho Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc vay	38.300.000	-
Cộng	38.300.000	461.795.593

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	4.188.801.441	-	2.911.735.867	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	873.202.635	-	1.212.475.710	-
Lãi cho vay dự thu	5.648.667	-	129.001.251	-
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	135.000.000	-	5.224.360.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	22.075.547.915	(949.133.550)	18.846.098.134	(948.917.674)
Cộng	27.278.200.658	(949.133.550)	28.323.670.962	(948.917.674)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	67.038.885.277		32.043.413.664	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	271.444.000		127.234.000	-
Cộng	67.310.329.277		32.170.647.664	-

7. Nợ xấu

	Số cuối năm				Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu tiến bán hàng		49.916.635.481	8.965.418.937		56.622.966.111	15.283.332.720
	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	7.608.900.000	5.326.230.000	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	1.485.540.000	1.039.878.000
	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	462.588.234	231.294.117	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	-
	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	36.642.622.500	3.407.894.820	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	47.478.182.400	14.243.454.720
	Quá hạn trên 03 năm	5.202.524.747		Quá hạn trên 03 năm	7.659.243.711	-
Phải thu khác		4.163.013.076	975.363.858		977.133.550	816.876
	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	20.000.000	10.000.000	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	-
	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	520.000.000	156.000.000	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	-
	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	2.697.879.526	809.363.858	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	2.722.920	816.876
	Quá hạn trên 03 năm	925.133.550		Quá hạn trên 03 năm	974.410.630	-
Cộng		54.079.648.557	9.940.782.795		57.600.099.661	15.284.149.596

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	42.315.950.065	35.961.101.308
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	7.230.262.341	6.354.848.757
Xóa nợ	(5.407.346.644)	-
Số cuối năm	44.138.865.762	42.315.950.065

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	3.449.972.000	-	3.866.463.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	607.195.955.131	-	427.761.279.779	-
Công cụ, dụng cụ	7.140.585.586	-	4.666.634.864	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	499.977.909.657	-	948.001.566.814	-
Thành phẩm	522.819.395.820	(28.881.245.993)	970.947.563.384	(16.866.054.024)
Hàng gửi đi bán	42.989.772.708	(1.410.125.328)	8.421.332.093	-
Cộng	1.683.573.590.902	(30.291.371.321)	2.363.664.839.934	(16.866.054.024)

Hàng tồn kho có trị giá 421.640.622.017 VND (số đầu năm là 362.592.707.016 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội (xem thuyết minh số V.21a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	16.866.054.024	8.775.128.007
Trích lập dự phòng bổ sung	13.425.317.297	8.286.523.890
Giảm do hủy hàng hóa kém phẩm chất	-	(195.597.873)
Số cuối năm	30.291.371.321	16.866.054.024

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	1.068.733.336	1.068.733.335

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	4.879.334.877	3.333.019.707
Chi phí sửa chữa	8.154.709.610	8.706.003.914
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	16.025.411.696	7.678.727.046
Cộng	30.128.189.519	20.786.484.002

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	50.594.830.814	52.347.406.262
Công cụ, dụng cụ	860.613.903	1.499.033.681
Chi phí sửa chữa	13.217.785.789	14.796.477.387
Khoản lỗ của tài sản bán và thuê lại	16.215.598.813	17.582.276.994
Các chi phí trả trước dài hạn khác	5.418.060.747	9.695.533.621
Cộng	86.306.890.066	95.920.727.945

10. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tăng giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 70.131.991.875 VND (số đầu năm là 76.017.193.995 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng United Overseas Bank (xem thuyết minh số V.21b).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	427.728.087.319	-	427.728.087.319
Thuê tài chính trong năm	35.350.246.180	85.629.937.119	120.980.183.299
Tạm nhập tài sản chờ giải ngân	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(29.827.125.113)	-	(29.827.125.113)
Số cuối năm	433.251.208.386	88.629.937.119	521.881.145.505
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	67.313.067.137	-	67.313.067.137

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Khấu hao trong năm	43.226.753.281	6.289.095.117	49.515.848.398
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(16.729.862.285)	-	(16.729.862.285)
Số cuối năm	93.809.958.133	6.289.095.117	100.099.053.250
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	360.415.020.182	-	360.415.020.182
Số cuối năm	339.441.250.253	82.340.842.002	421.782.092.255

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	375.200.160.250	280.991.000	375.481.151.250
Đầu tư XDCB hoàn thành	173.937.057	-	173.937.057
Giảm do Nhà nước thu hồi	(10.610.220)	-	(10.610.220)
Thanh lý, nhượng bán	(409.455.219)	-	(409.455.219)
Số cuối năm	374.954.031.868	280.991.000	375.235.022.868
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.204.952.117	280.991.000	2.485.943.117
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	28.754.032.113	280.991.000	29.035.023.113
Khấu hao trong năm	6.535.022.257	-	6.535.022.257
Số cuối năm	35.289.054.370	280.991.000	35.570.045.370
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	346.446.128.137	-	346.446.128.137
Số cuối năm	339.664.977.498	-	339.664.977.498
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 95.647.250.410 VND (số đầu năm là 134.901.213.499 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội và Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (xem thuyết minh số V.21a).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác (*)	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	80.543.898.296	12.059.410.347	(9.325.425.190)	(80.573.450)	83.197.310.003
Thuê tài chính trong năm	9.954.351.000	58.873.600.000	(56.055.100.000)	-	12.772.851.000
Xây dựng cơ bản dở dang	827.464.379.377	92.919.520.708	(38.032.405.108)	(8.191.049.130)	874.160.445.847
Dự án khu nuôi trồng thủy sản Bình Phú	600.637.554.836	81.232.355.549	(32.032.854.997)	(789.608.575)	649.047.446.813
Tiền mua đất (i)	582.130.326.997	32.793.383.742	-	-	614.923.710.739
Chi phí xây dựng các hạng mục công trình	18.429.470.829	9.486.475.152	(4.260.348.331)	(508.156.205)	23.147.441.445
Chi phí đào ao	77.757.010	38.952.496.655	(27.772.506.666)	(281.452.370)	10.976.294.629
Dự án các khu nuôi trồng thủy sản khác - Đất	209.719.514.185	663.960	(173.937.057)	(117.486.434)	209.428.754.654
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	2.515.061.280	1.998.219.988	(272.681.821)	(178.061.574)	4.062.537.873
Nhà máy chế biến thức ăn	496.818.282	4.634.059.418	(778.517.062)	(743.070.397)	3.609.290.241
Dự án hệ thống điện năng lượng mặt trời	6.087.866.000	-	-	(6.087.866.000)	-
Các hạng mục khác	8.007.564.794	5.054.221.793	(4.774.414.171)	(274.956.150)	8.012.416.266
Sửa chữa lớn tài sản cố định	206.857.280	9.772.743.187	-	(5.690.284.163)	4.289.316.304
Cộng	918.169.485.953	173.625.274.242	(103.412.930.298)	(13.961.906.743)	974.419.923.154

(*) Tập đoàn mua lại quyền sử dụng đất của các hộ dân. Quyền sử dụng đất đã chuyển sang tên của các cá nhân được Tập đoàn ủy quyền.

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

14a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11.738.233.698	15.660.070.362
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(4.276.820.384)	(3.921.836.664)
Số cuối năm	7.461.413.314	11.738.233.698

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 15% - 20%.

14b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay không được trừ (i)	19.411.077.559	16.725.816.528
Lỗ tính thuế (ii)	193.640.776.949	131.340.333.679
Cộng	213.051.854.508	148.066.150.207

(i) Chi tiết lãi vay không được trừ như sau:

Năm 2023	16.725.816.528
Năm 2024	2.685.261.031
Cộng	19.411.077.559

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

(ii) Chi tiết lỗ tính thuế chưa sử dụng như sau:

Năm 2023	131.340.333.679
Năm 2024	62.300.443.270
Cộng	193.640.776.949

Lỗ tính thuế năm 2023 đã được điều chỉnh theo tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023 bổ sung.

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	5.701.818.145	55.678.097.147
Công ty TNHH Đại Tây Dương	5.701.818.145	15.664.097.147
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed	-	14.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	-	40.000.000.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	144.494.927.050	117.668.742.542
Các nhà cung cấp trong nước	129.963.073.813	95.502.065.064
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	13.722.716.736	20.295.800.434
Các nhà cung cấp nước ngoài	809.136.501	1.870.877.044
Cộng	150.196.745.195	173.346.839.689

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng trong nước	6.304.285.859	3.621.451.536
Các khách hàng nước ngoài	26.807.846.367	6.359.105.865
Cộng	33.112.132.226	9.980.557.401

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.008.381.601	40.604.768.095	(40.269.764.599)	2.343.385.097
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	346.505.394	(346.505.394)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	128.149.867	(128.149.867)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	53.443.189.199	25.509.970.957	(53.040.181.419)	25.912.978.737
Thuế thu nhập cá nhân	4.480.641.090	8.277.638.324	(11.146.426.179)	1.611.853.235

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế tài nguyên	12.396.000	138.429.694	(137.443.310)	13.382.384
Tiền thuê đất	120.516.666	72.310.000	(72.310.000)	120.516.666
Thuế môn bài	-	161.827.816	(161.827.816)	-
Cộng	60.065.124.556	75.239.600.147	(105.302.608.584)	30.002.116.119

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Thành phẩm xuất khẩu	0%
Cá nguyên liệu	
+ Công ty tự nuôi bán cho tổ chức cá nhân	
+ Công ty mua ngoài bán cho tổ chức	Không chịu thuế
+ Công ty mua ngoài bán cho cá nhân	Không kê khai
	5%
Sản phẩm, dịch vụ khác (i)	10%

(i) Năm 2024, các công ty trong Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với các hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội và Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội.

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật số 71/2014/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 thì thu nhập từ hoạt động nuôi trồng, chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 10% (đối với địa bàn khó khăn) và 15% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Theo Công văn số 1534/BTC-CST ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính gửi Cục thuế các tỉnh, thành phố, thu nhập từ hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời được áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

(*) Tập đoàn đã điều chỉnh hồi tố số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương do bị Cục thuế TP. Cần Thơ truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2019 đến năm 2022 và tự khai bổ sung theo tờ khai thuế thu nhập năm 2023 do cơ quan thuế không chấp nhận cho đơn vị được hưởng ưu đãi thuế đối với hoạt động gia công thủy sản. Đồng thời điều chỉnh hồi tố số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú năm 2022 và năm 2023 do tự xác định lại ngành nghề ưu đãi.

Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Nam Việt	64.093.258	(770.630.100)
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	6.349.294.282	11.454.221.564
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	7.431.637.854	1.475.994.077
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	3.139.239.658	18.853.757
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar	406.007.893	2.777.937
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	447.543.557	336.359
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	-	35.994.946
Công ty TNHH MTV Bất động sản Nam Việt	-	22.171.855
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt	7.672.154.455	11.483.297.036
Cộng	25.509.970.957	23.723.017.431

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 4.000 VND/m3 x 8%.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và các khoản chi cuối năm còn phải trả người lao động.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	2.833.026.604	3.265.686.467
Chi phí cước tàu	2.189.774.970	304.517.400
Chi phí hoa hồng môi giới	8.822.371.844	4.190.688.403
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	3.310.977.046	458.263.292
Cộng	17.156.150.464	8.219.155.562

20. Phải trả khác

20a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	14.966.219.180	38.802.457.895
Ông Doãn Tới - Cổ tức phải trả	-	38.068.157.895
Ông Doãn Chí Thiên - Cổ tức phải trả	-	60.000.000
Ông Doãn Quốc Hội - Cổ tức phải trả	-	20.000.000
Ông Nguyễn Văn Vỹ - Cổ tức phải trả	-	450.000.000
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy - Cổ tức phải trả	-	204.300.000
Công ty TNHH Đại Tây Dương - thu hộ	14.966.219.180	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	19.166.523.299	24.313.303.754
Lãi vay phải trả	883.444.782	1.637.268.805
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	9.686.532.387	13.232.230.191
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.508.480.000	1.755.330.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.123.628.899	4.893.050.397
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.964.437.231	2.795.424.361
Cộng	34.132.742.479	63.115.761.649

20b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính

21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.487.952.036.593	1.677.300.344.483
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (a)	388.182.461.381	579.043.346.657
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (b)	299.585.856.489	205.832.831.122
Ngân hàng United Overseas Bank (c)	156.306.667.506	197.176.498.440

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	5.150.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	-	4.339.150.000
Ngân hàng TNHH MTV Worri Việt Nam	-	63.341.438.797
Ngân hàng TNHH CTBC	-	69.155.764.312
Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited (d)	191.168.900.860	-
Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam (e)	-	60.056.829.142
Ngân hàng TMCP Quân đội (f)	37.044.376.661	103.499.425.615
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (g)	45.084.546.620	98.125.494.743
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (h)	85.111.599.951	93.123.207.451
Ngân hàng Malayan Banking Berhad (i)	159.287.911.290	179.718.014.335
Ngân hàng Đại chúng TNHH KasikornBank (j)	116.503.147.760	18.738.343.869
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	4.315.308.210	2.940.308.210
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	9.999.999.996	10.833.333.329
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	122.201.972.355	92.632.898.375
Cộng	1.624.469.317.154	1.783.706.884.397

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12).

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12).

(c) Khoản vay Ngân hàng United Overseas Bank để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được Ông Doãn Tới - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty mẹ bảo lãnh (xem thuyết minh số VIII.1a).

(d) Khoản vay Ngân hàng TNHH The Siam Commercial Bank Public Company Limited để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a).

(e) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ. thời hạn vay 01 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.1).

(f) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12), hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) và quyền đòi nợ hình thành từ vốn vay của Tập đoàn.

(g) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a) và bảo lãnh cá nhân của Ông Doãn Tới - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty mẹ (xem thuyết minh số VIII.1a).

(h) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12), khoản phải thu khách hàng (xem thuyết minh số V.3) của Tập đoàn.

(i) Khoản vay Ngân hàng Malayan Banking Berhad để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.2a).

(j) Khoản vay Ngân hàng Đại chúng TNHH KasikornBank để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được thế chấp bằng hợp đồng tiền gửi (xem thuyết minh số V.2a) và được Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị bảo lãnh (xem thuyết minh số VIII.1a).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	6.666.666.684	16.666.666.680
Ngân hàng United Overseas Bank (i)	6.666.666.684	16.666.666.680
Vay dài hạn cá nhân (ii)	150.000.000	150.000.000
Nợ thuê tài chính	103.744.342.425	128.049.766.383
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị	18.356.051.973	38.392.803.489
Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị và phương tiện vận tải, truyền dẫn	36.580.322.774	21.349.545.514
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease để mua máy móc thiết bị	1.061.632.630	13.428.082.388
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị	14.725.217.047	50.513.616.909
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV -Sumi Trust để mua sắm tài sản cố định	33.021.118.001	4.365.718.083
Cộng	110.561.009.109	144.866.433.063

(i) Khoản vay Ngân hàng United Overseas Bank để tái tài trợ lên đến 60% chi phí mua thiết bị, dụng cụ, chi phí xây dựng và các chi phí mềm khác liên quan đến 8 cụm điện mặt trời với tổng công suất 08MW với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tất cả các khoản phải thu từ EVN và người mua điện, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a), tài sản cố định được tài trợ thuộc sở hữu bởi bên vay (xem thuyết minh số V.10).

(ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ông Mai Văn Nam để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 07 năm.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Tổng nợ
Số cuối năm			
Vay dài hạn ngân hàng	9.999.999.996	6.666.666.684	16.666.666.680
Vay dài hạn cá nhân	-	150.000.000	150.000.000
Nợ thuê tài chính	122.201.972.355	103.744.342.425	225.946.314.780
Cộng	132.201.972.351	110.561.009.109	242.762.981.460
Số đầu năm			
Vay dài hạn ngân hàng	10.833.333.329	16.666.666.680	27.500.000.009
Vay dài hạn cá nhân	-	150.000.000	150.000.000
Nợ thuê tài chính	92.632.898.375	128.049.766.383	220.682.664.758
Cộng	103.466.231.704	144.866.433.063	248.332.664.767

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	16.666.666.680	-	-	(9.999.999.996)	6.666.666.684
Vay dài hạn cá nhân	150.000.000	-	-	-	150.000.000
Nợ thuê tài chính	128.049.766.383	136.687.005.507	(29.511.879.095)	(131.480.550.370)	103.744.342.425
Cộng	144.866.433.063	136.687.005.507	(29.511.879.095)	(141.480.550.366)	110.561.009.109

21c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	163.631.160	-	-	163.631.160
Quỹ phúc lợi	230.848.145	300.000.000	(218.000.000)	312.848.145
Cộng	394.479.305	300.000.000	(218.000.000)	476.479.305

23. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh do giao dịch với công ty liên doanh.

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến xử lý khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào các công ty con. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	916.206.216	88.382.403
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	894.621.170	827.823.813
Số cuối năm	1.810.827.386	916.206.216

25. Vốn chủ sở hữu

25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

25b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
Ông Doãn Tới	1.436.100.000.000	718.050.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	343.200.000.000	171.600.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	1.419.980.000	709.990.000
Các cổ đông khác	881.837.520.000	440.918.760.000
Cộng	2.662.557.500.000	1.331.278.750.000

Trong năm Công ty mẹ đã phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 1 cổ phiếu thưởng) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm năm 2024 số 73/NQ.ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 94/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 7 năm 2024. Trên cơ sở đó, Công ty mẹ đã ghi nhận tăng vốn góp của chủ sở hữu 1.331.278.750.000 VND, ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 1.331.278.750.000 VND. Ngày 19 tháng 11 năm 2024 Công ty mẹ đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 2.666.675.000.000 VND.

25c. Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	266.667.500	133.539.625
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	266.667.500	133.539.625
- Cổ phiếu phổ thông	266.667.500	133.539.625

	Năm nay	Năm trước
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	411.750	411.750
- Cổ phiếu phổ thông	411.750	411.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	266.255.750	133.127.875
- Cổ phiếu phổ thông	266.255.750	133.127.875
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

25d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty mẹ đã chia cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 5%/ mệnh giá tương đương số tiền là 66.563.937.500 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 73/NQ.ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 120/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 9 năm 2024.

Ngoài ra Công ty mẹ cũng tạm trích quỹ phúc lợi năm 2024 với số tiền 300.000.000 VND theo Tờ trình ngày 05 tháng 12 năm 2024 được Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt.

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

26a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	99.651,07	831.897,93
Euro (EUR)	2.821,04	2.909,02
Dollar Úc (AUD)	772,28	963,60
Rub Nga (RUB)	2.952,31	6.445,47

26b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Khách hàng nước ngoài	9.718.204,85	188.579.975.866	9.429.672,13	182.038.120.299
Khách hàng trong nước	-	21.844.921.197	-	21.714.875.400
Cộng	-	210.424.897.063	-	203.752.995.699

Nguyên nhân xóa sổ: Nợ quá hạn thanh toán nhiều năm không thu hồi được.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	4.813.410.742.803	4.336.789.174.006
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	109.284.916.207	106.232.382.704
Doanh thu thi công công trình xây lắp	2.262.300.810	3.108.798.022
Doanh thu khác	14.153.940.950	15.657.140.114
Cộng	4.939.111.900.770	4.461.787.494.846

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên doanh được trình bày tại thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	8.962.158.679	8.936.461.584
Doanh thu khác	-	61.171.546
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed		
Doanh thu bán thành phẩm	-	60.000.000

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	24.105.102.510	12.674.068.077
Giảm giá hàng bán	3.740.825.347	9.990.793.889
Cộng	27.845.927.857	22.664.861.966

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.298.128.485.361	3.930.580.492.966
Gía vốn của điện năng lượng mặt trời	31.899.176.681	34.544.664.229
Giá vốn thi công công trình xây lắp	1.384.901.803	2.191.103.120
Giá vốn khác	6.055.986.969	16.069.506.944
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	13.425.317.297	8.286.523.890
Cộng	4.350.893.868.111	3.991.672.291.149

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	2.806.659.149	17.132.982.930
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.733.325	42.488.709
Lãi tiền cho vay	94.476.765	290.561.422
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	24.548.888.994	14.031.094.390
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.037.461.303	-
Lãi bán hàng trả chậm	2.925.259.950	427.985.591
Doanh thu hoạt động tài chính khác	180.460.501	174.895.542
Cộng	32.616.939.987	32.100.008.584

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	91.346.541.557	137.293.023.317
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	11.942.094.710	24.145.080.058
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	2.564.314.953
Dự phòng tổn thất đầu tư	(63.883.857)	313.646.457
Chi phí tài chính khác	258.631.731	254.638.734
Cộng	103.483.384.141	164.570.703.519

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.225.514.532	7.003.032.014
Chi phí vật liệu, bao bì	285.751.316	435.782.943
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.024.473.709	350.962.935
Chi phí hoa hồng	45.268.938.135	37.135.677.468
Chi phí vận chuyển	162.985.443.555	95.755.998.015
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.816.005.579	41.392.522.215
Các chi phí khác	8.717.718.382	6.342.917.573
Cộng	280.323.845.208	188.416.893.163

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	45.439.967.507	40.539.929.028
Chi phí vật liệu quản lý	1.445.006.897	1.107.106.536
Chi phí đồ dùng văn phòng	621.568.315	780.030.097
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.741.270.671	4.716.844.624
Thuế, phí và lệ phí	4.936.885.261	5.127.245.059
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	7.230.262.341	6.354.848.757
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.896.280.733	4.417.472.707
Các chi phí khác	13.503.209.436	12.672.348.603
Cộng	85.814.451.161	75.715.825.411

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	5.211.675.696	306.869.031
Xử lý kiểm kê thừa	4.706.779.505	6.112.228.035
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	8.251.814.332
Xử lý công nợ tồn lâu	2.797.151.990	2.781.084.863

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	2.513.546.269	2.550.756.928
Cộng	15.229.153.460	20.002.753.189

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, truy thu	8.411.923.957	1.147.358.707
Phạt vi phạm hành chính	2.661.882.241	809.000.000
Xử lý công nợ tồn lâu	19.028.835.236	-
Chi phí hàng hóa bị hư hỏng	2.294.918.784	-
Hoàn trả tiền ưu đãi được hưởng	23.000.000.000	-
Chi phí khác	599.696.423	373.053.573
Cộng	55.997.256.641	2.329.412.280

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	47.832.173.647	36.024.357.336
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(300.000.000)	(400.000.000)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	47.532.173.647	35.624.357.336
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	266.255.750	266.255.750
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	179	134

10b. Thông tin khác

Ngày 08 tháng 11 năm 2024 Tập đoàn đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Ngoài ra, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước cũng được tính toán lại do điều chỉnh hồi tố thuế thu nhập doanh nghiệp (xem thuyết minh số VIII.3). Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 293 VND xuống còn 134 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.995.214.846.903	2.502.918.269.889
Chi phí nhân công	698.773.521.433	687.614.998.517
Chi phí khấu hao tài sản cố định	117.193.982.583	114.534.603.014
Chi phí dịch vụ mua ngoài	936.689.213.006	243.614.941.631
Chi phí khác	91.358.687.649	87.521.791.086
Cộng	3.839.230.251.574	3.636.204.604.137

(*) Số liệu năm trước đã được điều chỉnh lại loại trừ các chi phí giao dịch nội bộ

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong năm, Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	123.798.683.299	158.981.598.029
Thuế VAT khấu trừ thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	11.992.322.208	12.961.810.984
Tạm nhập tài sản thuê tài chính chưa giải ngân	3.000.000.000	896.000.000
Nhận nợ thuê tài chính cho tài sản nhập năm trước	896.000.000	-

Số dư các khoản công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Phải trả tiền mua tài sản cố định	10.547.810.346	46.632.961.293
Trả trước tiền mua tài sản cố định	17.414.896.303	5.178.548.990

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và sổ dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành, quản lý (Ban

Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán, Ban kiểm toán nội bộ, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Các thành viên chủ chốt		
Ông Doãn Tới		
Đi vay	-	35.690.000.000
Lãi vay phải trả	-	10.290.627.830
Chia cổ tức	35.902.500.000	71.805.000.000

Ông Nguyễn Thanh Liêm		
Tiền thuê đất	-	723.100.000

Các thành viên chủ chốt khác		
Tạm ứng	742.890.000	3.732.974.736
Chia cổ tức	800.250.000	2.206.500.000

Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
Ông Doãn Chí Thanh		
Chia cổ tức	8.580.000.00	17.160.000.000

Ông Đoàn Chí Thiên		
Tạm ứng	100.000.000	
Chia cổ tức	35.499.500	70.999.000

Ông Đoàn Quốc Hội		
Chia cổ tức	-	20.000.000
Tạm ứng	-	10.000.000

Cam kết bảo lãnh

Ông Doãn Tới dùng tài sản cá nhân để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam, Ngân hàng United Overseas Bank và Ngân hàng Đại chúng TNHH KasikornBank (xem thuyết minh số V.21a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.15 và V.20a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt, Ủy ban kiểm toán và Ban kiểm toán nội bộ

	Cộng thu nhập
Năm nay	
Ông Đỗ Lập Nghiệp – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.171.749.627
Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	228.756.000
Bà Dương Thị Kim Hương – Phó Tổng Giám đốc	108.756.000
Ông Trần Minh Cảnh – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.166.513.746
Ông Nguyễn Văn Vỹ – Phó Tổng Giám đốc	919.292.000
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Thành viên ủy ban kiểm toán	576.705.000
Bà Nguyễn Hà Thu Diễm – Kế toán trưởng	474.765.277
Bà Nguyễn Thị Minh Ý – Thành viên độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	50.000.000
Ông Dương Minh Phong – Thành viên ban kiểm toán nội bộ	324.918.000
Ông Lê Tiến Dũng – Trưởng ban kiểm toán nội bộ	178.055.000
Cộng	5.199.510.650
Năm trước	
Ông Đỗ Lập Nghiệp – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	945.348.012
Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	357.265.012
Bà Dương Thị Kim Hương – Phó Tổng Giám đốc	109.807.385
Ông Trần Minh Cảnh – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	933.240.131
Ông Nguyễn Văn Vỹ – Phó Tổng Giám đốc	697.095.385
Ông Nguyễn Thanh Liêm – Phó Tổng Giám đốc	692.455.385
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Thành viên ủy ban kiểm toán	591.101.923
Ông Nguyễn Văn Dương – Giám đốc Tài chính	244.429.923
Bà Nguyễn Hà Thu Diễm – Kế toán trưởng	456.841.718

	Cộng thu nhập
Bà Nguyễn Thị Minh Ý – Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	60.000.000
Ông Lê Tiến Dũng – Trưởng ban kiểm toán nội bộ	327.804.385
Ông Dương Minh Phong – Thành viên ban kiểm toán nội bộ	179.602.385
Cộng	5.594.991.644

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed	Công ty do con của Tổng Giám đốc thành lập (đến tháng 02/2024)
Công ty TNHH Trang trại Hữu cơ 7 núi	Công ty do Phó Tổng Giám đốc thành lập

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Thuê kho	41.068.474.870	38.781.563.185
Phí sử dụng hạ tầng	1.254.726.255	935.254.574
Mua vật tư		31.836.580
Mua tài sản	267.370.000	
Chi phí khác	5.960.000.000	500.483.768
Thu hộ	39.741.746.621	34.664.459.826
Chi hộ		93.899.520
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed		
Mua dịch vụ khác		76.363.632
Công ty TNHH Trang trại Hữu cơ 7 Núi		

	Năm nay	Năm trước
Mua vật tư	31.640.400	2.010.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.15 và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	3.209.981.791.417	2.915.375.524.342
Trong nước	1.701.284.181.496	1.523.747.108.538
Cộng	4.911.265.972.913	4.439.122.632.880

Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu nằm trong một lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất chế biến thủy sản chiếm tỷ lệ 98% trên tổng doanh thu của Tập đoàn (năm trước 97%).

3. Số liệu so sánh

Tập đoàn đã điều chỉnh hồi tố thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2019 đến năm 2023 do cơ quan thuế không chấp thuận Tập đoàn được hưởng thuế suất ưu đãi và do xác định lại ngành nghề ưu đãi. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	27.923.959.069	32.141.165.487	60.065.124.556
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.518.568.926.357	(32.141.165.487)	1.486.427.760.870

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20.555.729.657	3.167.287.774	23.723.017.431
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	39.191.645.110	(3.167.287.774)	36.024.357.336
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	39.191.645.110	(3.167.287.774)	36.024.357.336

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Long Xuyên, ngày 28 tháng 3 năm 2025


Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng/Người lập


TP. Long Xuyên, ngày 28 tháng 3 năm 2025
Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 01: BẢNG TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	369,467,416,058	833,568,322,878	144,312,728,891	16,987,644,841	112,519,311,483	1,476,855,424,151
Mua trong năm	-	14,128,895,282	1,783,088,071	4,413,794,420	617,256,442	20,943,034,215
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	12,939,398,455	18,951,295,588	1,707,425,677	-	4,260,348,331	37,858,468,051
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	29,827,125,113	-	-	-	29,827,125,113
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(106,841,788)	(100,596,514,859)	(10,990,608,876)	(80,818,182)	-	(111,774,783,705)
Số cuối năm	382,299,972,725	795,879,124,002	136,812,633,763	21,320,621,079	117,396,916,256	1,453,709,267,825
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	238,380,878,438	458,705,954,040	43,811,135,464	7,605,250,417	27,683,503,157	776,186,721,516
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	312,110,106,031	677,044,136,914	94,854,451,616	13,057,406,809	54,862,052,647	1,151,928,154,017
Khấu hao trong năm	11,700,396,812	28,521,381,111	12,247,263,702	1,815,852,571	6,858,217,732	61,143,111,928
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	16,729,862,285	-	-	-	16,729,862,285
Thanh lý, nhượng bán	(106,841,788)	(81,197,104,690)	(6,655,622,104)	(80,818,182)	-	(88,040,386,764)
Số cuối năm	323,703,661,055	641,098,275,620	100,446,093,214	14,792,441,198	61,720,270,379	1,141,760,741,466
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	57,357,310,027	156,524,185,964	49,458,277,275	3,930,238,032	57,657,258,836	324,927,270,134
Số cuối năm	58,596,311,670	154,780,848,382	36,366,540,549	6,528,179,881	55,676,645,877	311,948,526,359
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-


Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng/Người lập


TP. Long Xuyên, ngày 28 tháng 3 năm 2025
Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 02: BẢNG TĂNG, GIẢM VAY VÀ NỢ THUÊ

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	1,677,300,344,483	4,177,598,416,331	-	(4,366,946,724,221)	1,487,952,036,593
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	2,940,308,210	4,160,000,000	-	(2,785,000,000)	4,315,308,210
Vay dài hạn đến hạn trả	10,833,333,329	-	9,999,999,996	(10,833,333,329)	9,999,999,996
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	92,632,898,375	-	131,480,550,370	(101,911,476,390)	122,201,972,355
Cộng	1,783,706,884,397	4,181,758,416,331	141,480,550,366	(4,482,476,533,940)	1,624,469,317,154


Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng/Người lập


TP. Long Xuyên, ngày 28 tháng 3 năm 2025
Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 03: BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SƠ HƯU

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Số dư đầu năm trước	1,275,396,250,000	21,489,209,100	(27,587,629,848)	1,612,905,156,247	2,882,202,985,499
Điều chỉnh do thay đổi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(28,973,877,713)	(28,973,877,713)
Số dư đầu năm trước được trình bày lại trong năm trước	1,275,396,250,000	21,489,209,100	(27,587,629,848)	1,583,931,278,534	2,853,229,107,786
Phát hành cổ phiếu trong năm trước	60,000,000,000	-	-	-	60,000,000,000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	36,024,357,336	36,024,357,336
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	(400,000,000)	(400,000,000)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(133,127,875,000)	(133,127,875,000)
Số dư cuối năm trước	1,335,396,250,000	21,489,209,100	(27,587,629,848)	1,486,427,760,870	2,815,725,590,122
Số dư đầu năm nay	1,335,396,250,000	21,489,209,100	(27,587,629,848)	1,486,427,760,870	2,815,725,590,122
Phát hành cổ phiếu trong năm nay	1,331,278,750,000	-	-	(1,331,278,750,000)	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	47,832,173,647	47,832,173,647
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	(300,000,000)	(300,000,000)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	(66,563,937,500)	(66,563,937,500)
Số dư cuối năm nay	2,666,675,000,000	21,489,209,100	(27,587,629,848)	136,117,247,017	2,796,693,826,269


Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng/Người lập


TP. Long Xuyên, ngày 28 tháng 3 năm 2025
Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

19D Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, An Giang

(0296) 3834 065 - (0296) 3834 060

(0296) 3834 054 - (0296) 3932 486

www.navicorp.com.vn